

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP
ĐOÀN XUẤT - NHẬP KHẨU
TRÁI CÂY CHÁNH THU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 05/2026/QĐ-CTG

Đắk Lắk, ngày 3 tháng 9 năm 2026

V/v đề nghị niêm yết công khai Giấy
phép môi trường của dự án “Nhà
máy chế biến trái cây xuất khẩu
Chánh Thu Đắk Lắk”

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Cuôr Đăng

Tên chủ dự án: Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất - Nhập khẩu Trái cây Chánh
Thu

Địa chỉ trụ sở chính: thôn Nam Kỳ, xã Cuôr Đăng, tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại liên hệ: 0889 269 777

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND cấp ngày 06/02/2026 do UBND
tỉnh Đắk Lắk;

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất - Nhập khẩu Trái cây Chánh Thu thực hiện
nghĩa vụ công khai thông tin theo quy định pháp luật. Nay chúng tôi kính đề nghị
UBND xã/phường hỗ trợ/hoặc thông báo về việc công khai nội dung Giấy phép môi
trường của dự án như sau:

1. Tên dự án: Nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk
2. Nội dung chính của giấy phép môi trường được đính kèm bản sao giấy phép
3. Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã Cuôr Đăng
hoặc đăng tải trên cổng thông tin điện tử.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công khai là chính xác và trung thực.

Trân trọng kính chào,

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XUẤT -
NHẬP KHẨU TRÁI CÂY CHÁNH THU**

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Tường Vy

300. 2. 4

300. 2. 4

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19 /GPMT-UBND

Đắk Lắk, ngày 06 tháng 02 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 01459/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

Xét Văn bản 39/2025/ĐN-GPMT ngày 26/12/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất - Nhập khẩu trái cây Chánh Thu về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy chế biến Trái cây Xuất nhập khẩu Chánh Thu” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 53/TTr-SNNMT ngày 22/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất - Nhập khẩu Trái cây Chánh Thu, địa chỉ tại thôn Nam Kỳ, xã Cuôr Đăng, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Nam Kỳ, xã Cuôr Đăng, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0316940426 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp; đăng ký lần đầu ngày 16/07/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06/06/2024.

1.4. Mã số thuế: 0316940426

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến trái cây xuất khẩu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Nhóm dự án: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 99.802,5 m²

- Quy trình sản xuất:

Công nghệ sản xuất trái cây tươi: Nguyên liệu (sầu riêng tươi nguyên trái) → Phân loại → Đóng gói → Xuất hàng.

Công nghệ sản xuất trái cây đông lạnh nguyên trái: Nguyên liệu (Sầu riêng, chuối, chanh dây, khoai lang, xoài) → Ngâm rửa → Phân loại → Cấp đông IQF (chọn thời gian cấp đông tùy theo từng loại trái cây khác nhau) → Đóng gói → Kho bảo quản lạnh → Xuất hàng.

Công nghệ sản xuất trái cây bóc, tách đông lạnh: Nguyên liệu (Sầu riêng, xoài) → Ngâm rửa → Phân loại → Sơ chế (ủ chín sầu riêng, gọt vỏ xoài) → Bóc tách (sầu riêng), cắt lát (xoài) → Lựa chọn (kiểm tra, chọn lựa các sản phẩm đạt yêu cầu, loại bỏ sản phẩm hư hỏng) → Cấp đông IQF (chọn thời gian cấp đông tùy theo từng loại trái cây khác nhau) → Đóng gói → Kho bảo quản lạnh → Xuất hàng.

- Công suất thiết kế của dự án: 70.000 tấn nguyên liệu/năm, tương đương 56.930 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất - Nhập khẩu trái cây Chánh Thu

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất - Nhập khẩu trái cây Chánh Thu có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Cuôr Đăng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh;
- UBND xã Cuôr Đăng;
- Công ty Cổ phần Tập đoàn XNK Trái cây Chánh Thu;
- (Đ/c: Thôn Nam Kỳ, xã Cuôr Đăng)
- Lưu: VT, NNMT (Nhat-2b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19 /GPMT-UBND ngày 06 /02/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải****1.1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà xưởng và khu vực nhà nghỉ công nhân;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu vực văn phòng;
- Nguồn số 03: Nước thải từ nhà bếp, căn tin;

1.2. Nguồn phát sinh nước thải sản xuất

- Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình vệ sinh nhà xưởng, khay và rổ đựng nguyên liệu;
- Nguồn số 05: Nước thải từ quá trình rửa trái cây;
- Nguồn số 06: Nước thải từ khu vực giặt, sấy trang phục bảo hộ lao động;
- Nguồn số 07: Nước thải từ quá trình làm rửa lọc của hệ thống xử lý nước cấp;
- Nguồn số 08: Nước thải từ quá trình vệ sinh sản kho hoá chất, kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, thông thường;
- Nguồn số 09: Nước thải từ quá trình vệ sinh sản phòng máy nén lạnh và phòng đặt máy phát điện.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Thoát về suối Ea Kua (phía Tây Bắc dự án), sau đó theo địa hình chảy về suối cận thuộc địa phận xã Cuôr Đăng, tỉnh Đắk Lắk (suối không dùng cho mục đích sinh hoạt)

2.2. Vị trí xả nước thải: Xã Cuôr Đăng, tỉnh Đắk Lắk

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3'): X=465468, Y=1416355.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $250 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; tương đương $10,416 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột A ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	TSS	mg/L	49,5		
3	Độ màu	Pt/Co	49,5		
4	COD	mg/L	74,25		
5	BOD ₅	mg/L	29,7		
6	Tổng Nito	mg/L	19,8		
7	Tổng Photpho	mg/L	3,96		
8	Amoni	mg/L	4,95		
9	Sunfua	mg/L	0,198		
10	Clo dư	mg/L	0,99		
11	Coliform	MPN/100ml	3000		

Ghi chú:

Kể từ ngày 01/01/2032, Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất - Nhập khẩu trái cây Chánh Thu có trách nhiệm áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Khuyến khích Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất - Nhập khẩu trái cây Chánh Thu thực hiện quan trắc định kỳ đối với các thông số ô nhiễm tại bảng trên để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 01, 02: Nước thải được thu gom về bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ sau đó theo đường ống (PCV D114mm) về hố ga thu gom, cuối cùng dẫn qua đường ống (PVC D250mm) về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải thu gom về bể tách mỡ để xử lý sơ bộ sau đó theo đường ống (PCV D168mm) về hố ga thu gom, cuối cùng dẫn qua đường ống (PVC D250mm) về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải được thu gom bằng mương thoát B300 được bố trí xung quanh xưởng, chảy về các hố ga thu gom, sau đó theo đường ống (PVC D220mm) về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 05, 06, 07: Nước thải thu gom theo đường ống (PCV D220mm) về hố ga thu gom, sau đó tiếp tục theo đường ống (PVC D220mm) về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 08: Nước thải thu gom theo đường ống (PCV D220mm) về hố ga thu gom, sau đó tiếp tục theo đường ống (PVC D220mm) về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 09: Nước thải được thu gom bằng mương thoát B300 về bể tách dầu để xử lý sơ bộ sau đó theo đường ống (PCV D220mm) về hố ga thu gom, cuối cùng dẫn qua đường ống (PVC D220mm) về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 03 ngăn

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Số lượng:

+ 02 bể tự hoại bố trí tại khu nhà xưởng và 02 bể tại khu nhà ăn, nhà cư trú. Thể tích thiết kế 19,5 m³/bể.

+ 02 bể tự hoại bố trí tại khu văn phòng. Thể tích thiết kế 13,6 m³/bể.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Không

1.2.2. Bể tách mỡ:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải nhà bếp, căn tin → Ngăn chứa → ngăn tách mỡ (có bố trí vách ngăn để tách mỡ) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Số lượng: 01 bể. Thể tích thiết kế: 2,7 m³.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Không

1.2.3. Bể tách dầu thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn tách rác → Ngăn tách dầu → Ngăn lọc → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Số lượng: 01 bể. Thể tích thiết kế: 0,24 m³.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Không

1.2.4. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải gồm: (Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn + nước thải nhà bếp sau khi qua bể tách mỡ → Bể thu gom nước thải 02) và Nước thải sản xuất sau xử lý bậc 1 (Nước thải sản xuất → Bể thu gom nước thải 01 → Máy lọc rác tinh → Bể điều hoà 01 → Cụm bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng hoá lý → Bể trung gian 1 → Bể kỵ khí UASB) → Bể điều hoà 02 → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể trung gian 02 → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 250 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, PAC, Polymer Anion, Clorine (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Trang bị đầy đủ thiết bị dự phòng (bơm dự phòng, máy thổi khí...) để thay thế kịp thời khi xảy ra sự cố nhằm đảm bảo hệ thống xử lý nước thải luôn vận hành ổn định.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải, nhân viên vận hành phải được đào tạo, đảm bảo nắm rõ quy trình vận hành hệ thống.

- Ghi chép sổ nhật ký vận hành, theo dõi, giám sát, kiểm tra thường xuyên chế độ vận hành của các hạng mục công trình xử lý nước thải để nhanh chóng phát hiện sự cố bất thường và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu, Nhà máy phải tạm dừng các công đoạn sản xuất có phát sinh nước thải, bơm toàn bộ nước thải trong các bể của hệ thống xử lý nước thải sang hồ sự cố (thể tích 2.400 m³) để lưu chứa. Sau khi khắc phục sự cố xong, thực hiện bơm nước thải từ hồ sự cố về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải để xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả nước thải ra nguồn tiếp nhận.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 250 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 điểm (01 điểm tại vị trí đầu vào của hệ thống xử lý nước thải và 01 điểm vị trí đầu ra của hệ thống xử lý nước thải).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi bởi Điểm c Khoản 8 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: Việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường; đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.3. Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý nước thải. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.5. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.6. Chủ dự án đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra nguồn tiếp nhận và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19 /GPMT-UBND ngày 06 /02/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực hệ thống máy nén lạnh thuộc hệ thống cấp đông nhanh tại xưởng sản xuất;
- Nguồn số 02: Khu vực máy phát điện dự phòng;
- Nguồn số 03: Khu vực máy tách vỏ sầu riêng;
- Nguồn số 04: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108⁰30', múi chiều 3⁰)

- Nguồn số 01: X= 465858; Y=1416139
- Nguồn số 02: X= 465843; Y=1416144
- Nguồn số 03: X= 465708; Y= 1416053
- Nguồn số 04: X= 465629; Y= 1416031

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo lộ trình áp dụng như sau:

3.1. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tiếng ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.1.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2027, Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất - Nhập khẩu trái cây Chánh Thu có trách nhiệm áp dụng QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư 01/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Tự động hoá quá trình sản xuất; đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại; bố trí máy móc hợp lý, không để các thiết bị, máy móc gây ồn gần nhau gây cộng hưởng tiếng ồn; định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng toàn bộ hệ thống máy móc trong dự án; trang bị và yêu cầu người lao động đeo nút bịt tai, mặc bảo hộ lao động trong quá trình làm việc ở những nơi phát sinh độ ồn lớn.

1.2. Các thiết bị sản xuất được đặt trong nhà xưởng, tách biệt với khu vực văn phòng làm việc để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung. Nền bê máy móc, thiết bị phải đảm bảo bằng phẳng và chắc chắn nhằm tránh gây ra hiện tượng cộng hưởng rung động, giảm thiểu rung lắc.

1.3. Trồng cây xanh trong khuôn viên của dự án đảm bảo tỷ lệ, mật độ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.3. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19 /GPMT-UBND ngày 06 /02/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	Bùn	24.637,5
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	5
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	46
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	2
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 01 02	15
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	3
7	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	Rắn	18 01 04	3
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại;	Rắn	18 02 01	5
9	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	2
10	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 05	5
Tổng cộng:				24.723,5

1.2. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Danh mục chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/ năm)
1	Vỏ trái cây, trái cây; phế phẩm thải từ nguyên liệu sản xuất	13.941
<i>1.1</i>	<i>Phế phẩm từ nguyên liệu trái cây nguyên trái</i>	<i>295</i>
<i>1.2</i>	<i>Phế phẩm từ nguyên liệu đông lạnh nguyên trái</i>	<i>3.650</i>
<i>1.3</i>	<i>Phế phẩm từ nguyên liệu trái cây bóc tách, cắt lát đông lạnh</i>	<i>9.996</i>
2	Rác thu hồi từ song chắn rác và máy lược rác tinh ở HTXLNT (không chứa yếu tố nguy hại)	13,9
3	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	2
4	Dầu mỡ thải từ thiết bị tách mỡ (không chứa yếu tố nguy hại)	0,3
5	Than hoạt tính từ hệ thống xử lý nước cấp (không chứa yếu tố nguy hại)	0,484
Tổng cộng:		13.957,684

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải thông thường phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT).

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 49.275 kg/năm

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa (dung tích 240 lít có nắp đậy, có dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo nguy hại theo quy định).

2.1.2. Nhà lưu chứa:

- Nhà lưu chứa chất thải nguy hại: Diện tích 12 m².
- Kết cấu: Có mái che; tường bao, gờ cao, có dán biển cảnh báo và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại khu vực xưởng sản xuất trong khuôn viên dự án: Bố trí các thùng nhựa (dung tích 240 lít) có nắp đậy kín.
- Tại kho lưu chứa chất thải thông thường: Bố trí thùng nhựa (dung tích 660 lít), có nắp đậy kín.

2.2.2. Kho lưu chứa chất thải rắn thông thường : Diện tích 360m², tường gạch, nền bê tông, mái lợp tôn.

2.2.3. Kho lưu chứa chất thải rắn có khả năng tái chế : Diện tích 360m², tường gạch, nền bê tông, mái lợp tôn

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Tại các khu vực nhà máy, văn phòng : Bố trí các thùng nhựa dung tích 60 lít, 120 lít có nắp đậy

- Tại kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thùng nhựa dung tích 660 lít, có nắp đậy kín và bánh xe di chuyển.

- Kho lưu chứa: Diện tích 20m², tường gạch, nền bê tông, mái lợp tôn, có hệ thống thu gom và thoát nước.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19 /GPMT-UBND ngày 06 /02/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG)

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường, không còn hạng mục, công trình phải tiếp tục thực hiện.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

2. Giảm thiểu chất thải rắn, nước thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Trong quá trình thực hiện nếu dự án đầu tư có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ dự án đầu tư phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để được kiểm tra và hướng dẫn;

6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN – XUẤT NHẬP KHẨU CHÁNH THU

✽❧❧❧✽

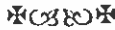
**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CỦA
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN TRÁI CÂY XUẤT KHẨU
CHÁNH THU ĐẮK LẮK**

Địa điểm: Thôn Nam Kỳ, Xã Cuôr Đăng, Tỉnh Đắk Lắk

Đắk Lắk, tháng 12 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN – XUẤT NHẬP KHẨU CHÁNH THU



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN TRÁI CÂY XUẤT KHẨU
CHÁNH THU ĐẮK LẮK

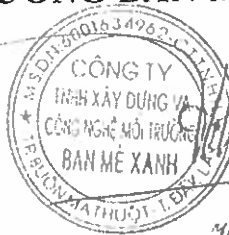
Địa điểm: Thôn Nam Kỳ, Xã Cuôr Đăng, Tỉnh Đắk Lắk

CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
ĐOÀN XUẤT NHẬP KHẨU
CHÁNH THU



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Tường Vy

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
VÀ CÔNG NGHỆ MÔI
TRƯỜNG BAN MÈ XANH



GIÁM ĐỐC
Huỳnh Ngọc Luân

Đắk Lắk, tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC	3
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	6
DANH MỤC BẢNG	7
DANH MỤC HÌNH ẢNH	8
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	9
1. Tên chủ dự án:	9
2. Tên dự án:.....	9
2.1. Quy mô của dự án đầu tư	9
2.2. Các văn bản pháp lý liên quan đến dự án.....	9
2.3. Yếu tố nhạy cảm về môi trường	10
2.4. Phân nhóm dự án đầu tư	10
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư.....	10
3.1. Công suất hoạt động của dự án đầu tư.....	10
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư	11
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	15
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của dự án.....	16
4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu và hoá chất sử dụng.....	16
4.2. Nguồn cấp điện của dự án đầu tư	16
4.3. Nguồn nước sử dụng của dự án đầu tư	16
5. Các thông tin khác của dự án	17
5.1. Vị trí và quy mô dự án	17
5.2. Danh mục máy móc thiết bị của dự án.....	20
5.3. Công trình xử lý nước cấp phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất của nhà máy.....	21
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	24
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	24
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	24
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	27
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	27
1.1. Công trình thu gom, thoát nước mưa.....	27
1.2. Công trình thu gom, thoát nước thải.....	28
1.3. Công trình, biện pháp xử lý nước thải	31

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	47
2.1. Các nguồn phát sinh bụi, khí thải của dự án:.....	47
2.2. Biện pháp giảm thiểu, xử lý bụi, khí thải của dự án:.....	47
3. Công trình biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	50
3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.....	50
3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp.....	51
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	52
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	54
6. Phương án, phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành	55
6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động.....	55
6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất.....	55
6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với chất thải	56
6.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ	57
6.5. Trách nhiệm của chủ dự án trong phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	58
6.6. Phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.....	58
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	58
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:	58
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	62
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	62
1.1. Nguồn phát sinh nước thải	62
1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa	62
1.3. Dòng nước thải.....	62
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	62
1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải	63
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	63
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	63
3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	63
3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	63
3.3. Giá trị giới hạn.....	63
CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	65
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án	65
1.1. Công trình và thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	65

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	65
2. Chương trình quản trắc chất thải theo quy định của pháp luật	66
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	66
2.2. Chương trình quan trắc môi trường tự động, liên tục chất thải	66
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự đề xuất của chủ dự án	67
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	68
CHƯƠNG VI. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN.....	69
HÌNH ẢNH CỦA DỰ ÁN.....	70
PHỤ LỤC BÁO CÁO	78

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

B

BOD	: Nhu cầu ôxi sinh hóa (Biochemical oxygen Demand)
BNNMT	: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	: Bảo vệ môi trường

C

COD	: Nhu cầu oxy hóa học (Chemical Oxygen Demand)
CTNH	: Chất thải nguy hại
CP	: Chính phủ
CTR	: Chất thải rắn

D

DO	: Ôxi hòa tan (Dissolved Oxygen)
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
ĐVTV	: Đơn vị tư vấn

G

GHCP	: Giới hạn cho phép
GP	: Giấy phép

H

HĐND	: Hội đồng nhân dân
HTXLNT	: Hệ thống xử lý nước thải

K

KK	: Không khí
KT-XH	: Kinh tế - Xã hội

N

NĐ	: Nghị Định
NM	: Nước mặt

P

PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
------	------------------------

X

XLNT	: Xử lý nước thải
------	-------------------

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Sản phẩm của dự án.....	15
Bảng 1. 2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu.....	16
Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng hóa chất, vật tư của dự án.....	16
Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng nước và tổng lượng nước thải phát sinh.....	16
Bảng 1. 5. Chi tiết cơ cấu sử dụng đất và mật độ xây dựng của dự án.....	18
Bảng 1. 6. Chi tiết các hạng mục công trình xây dựng của dự án	18
Bảng 1. 7. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất	20
Bảng 3. 1. Hạng mục công trình thuộc hệ thống đường ống thu gom, thoát nước mưa ...	27
Bảng 3. 2. Hạng mục công trình thuộc hệ thống đường ống thu gom, thoát nước thải.....	30
Bảng 3. 3. Thông số kỹ thuật và vị trí bể tự hoại.....	31
Bảng 3. 4. Thông số kỹ thuật và vị trí bể tách mỡ.....	33
Bảng 3. 5. Thông số kỹ thuật và vị trí bể tách dầu	34
Bảng 3. 6. Bảng tổng hợp hạng mục hệ thống xử lý nước thải	39
Bảng 3. 7. Bảng tổng hợp thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải	40
Bảng 3. 8. Bảng tổng hợp hiệu suất xử lý hệ thống xử lý nước thải	45
Bảng 3. 9. Bảng tổng hợp thành phần khí biogas từ bể kỵ khí UASB	49
Bảng 3. 10. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt thông thường phát sinh	50
Bảng 3. 11. Bảng thống kê các hạng mục và thiết bị lưu chứa CTR thông thường	50
Bảng 3. 13. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.....	53
Bảng 3. 14. Thống kê hạng mục công trình lưu chứa chất thải nguy hại	54
Bảng 3. 15. Bảng thống kê các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt ĐTM.....	59
Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong dòng nước thải ...	62
Bảng 6. 1. Các công trình vận hành thử nghiệm.....	65
Bảng 6. 2. Chi tiết kế hoạch đo đạc, lấy mẫu chất thải đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải	65

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1. 1. Tổng thể dự án đầu tư	10
Hình 1. 2. Quy trình sản xuất trái cây tươi	11
Hình 1. 3. Quy trình sản xuất trái cây đông lạnh nguyên trái	12
Hình 1. 4. Quy trình sản xuất sầu riêng tách múi, trái cây cắt lát đông lạnh.....	14
Hình 1. 5. Định vị vị trí dự án và ranh giới xung quanh.....	18
Hình 1. 6. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước cấp.....	21
Hình 2.1. Định vị vị trí xả nước thải của dự án	25
Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án	27
Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải của dự án	29
Hình 3.3. Chi tiết bể tự hoại.....	31
Hình 3.4. Chi tiết bể tách mỡ	32
Hình 3.5. Chi tiết bể tách dầu	33
Hình 3.6. Hệ thống xử lý nước thải của dự án.....	34
Hình 3.6. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải	35

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án:

Tên chủ dự án: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XUẤT – NHẬP KHẨU TRÁI CÂY CHÁNH THU**

Địa chỉ: Thôn Nam Kỳ, xã Cuôr Đăng, Tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ngô Tường Vy

Điện thoại: 0889 269 777

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0316940426 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp; đăng ký lần đầu ngày 16/07/2021, đăng ký thay đổi lần thứ:5 ngày 06/06/2024.

2. Tên dự án:

Tên chủ dự án: **NHÀ MÁY CHẾ BIẾN TRÁI CÂY XUẤT KHẨU CHÁNH THU ĐẮK LẮK**

Địa chỉ: thôn Nam Kỳ, xã Cuôr Đăng, tỉnh Đắk Lắk

Loại hình hoạt động: Chế biến trái cây đông lạnh.

Tổng diện tích sử dụng đất: 99.802m² theo Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 08/03/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 01272/QĐ-UBND ngày 12/09/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

2.1. Quy mô của dự án đầu tư

- Tổng mức đầu tư của dự án: 476.060.178.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi sáu tỷ, không trăm sáu mươi triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

- Theo tiêu chí quy định của pháp luật về Luật đầu tư công 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019 với loại hình hoạt động là Dự án công nghiệp (theo quy định tại khoản 4 điều 9 dự án có tổng mức đầu tư từ 60 tỷ đồng đến dưới 1000 tỷ đồng) → Dự án thuộc nhóm B.

2.2. Các văn bản pháp lý liên quan đến dự án

- Quyết định số 1783/2022/QĐ-UBND ngày 10/08/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án Nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk tại thửa đất số 722, tờ bản đồ địa chính số 76, thôn Nam Kỳ, xã Ea Drong, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk;

- Quyết định số 3313/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND huyện Cư M'Gar về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chánh Thu;

- Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk" tại thôn Nam Kỳ, xã Ea Drong, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk;

- Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 08/03/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cho Công ty cổ phần Tập đoàn xuất – nhập khẩu trái cây Chánh Thu thuê 99.802m² đất tại xã Ea Drong, huyện Cư M'gar để sử dụng vào mục đích thực hiện dự án nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk;

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

- Hợp đồng thuê đất số 19/HĐTD ngày 12/04/2023 giữa UBND tỉnh Đắk Lắk và Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất – Nhập khẩu trái cây Chánh Thu;
- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 92/GP-UBND ngày 15/11/2023;
- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 01272/QĐ-UBND ngày 12/09/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk;
- Văn bản số 526/SXD-QLXD ngày 25/07/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk về việc hướng dẫn thủ tục đầu tư cho dự án Nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk;

2.3. Yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Dự án không có yếu tố nhạy cảm môi trường theo khoản 6 điều 1 nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung khoản 4 điều 25 nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

2.4. Phân nhóm dự án đầu tư

- Dự án thuộc nhóm III theo quy định tại mục II phụ lục V ban hành kèm theo nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.
- Căn cứ theo Khoản 2 Điều 39 và Điểm a và điểm c Khoản 3 Điều 41 của Luật số 72/2020/QH14. Dự án thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.
- Căn cứ khoản 1 điều 26 Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 dự án thuộc thẩm cấp giấy phép môi trường của UBND tỉnh Đắk Lắk
- Báo cáo đề xuất cấp phép môi trường của dự án thực hiện theo nội dung tại phụ lục VIII ban hành kèm theo nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.



Hình 1. 1. Tổng thể dự án đầu tư

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

3.1. Công suất hoạt động của dự án đầu tư

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

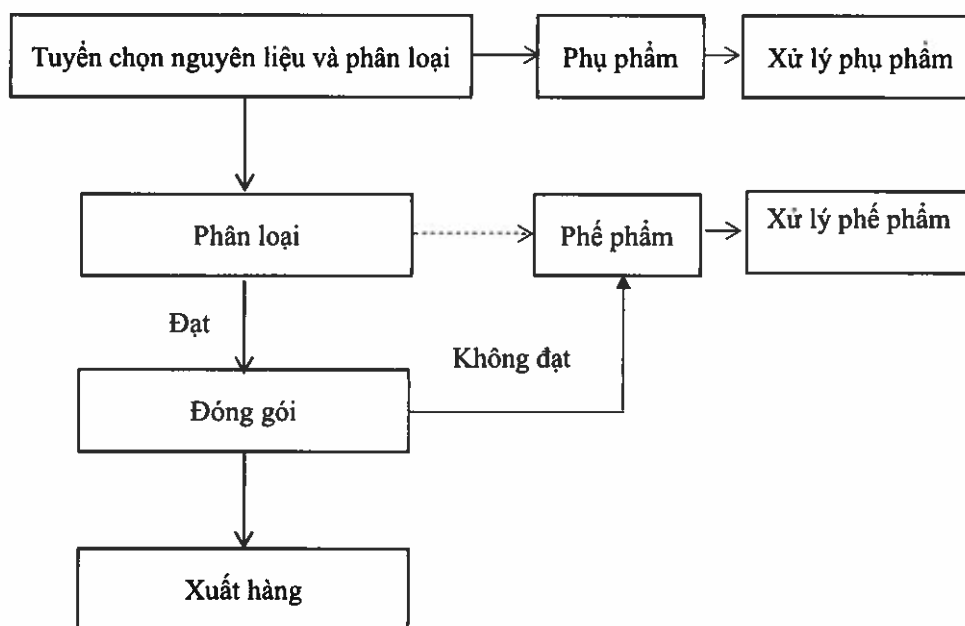
- Công suất chế biến: 70.000 tấn nguyên liệu/năm, tương đương 56.930 tấn sản phẩm/năm

- Số lượng công nhân viên của nhà máy là 150 người. Trong đó:

Giám đốc nhà máy	1	Người
Phó giám đốc nhà máy	2	Người
Kế toán, kho, văn thư	7	Người
Nhà bếp, hậu cần, tạp vụ, chăm sóc khuôn viên	8	Người
Cán bộ kỹ thuật	10	Người
Bảo vệ, lái xe	6	Người
Công nhân kỹ thuật, vận hành bảo trì, bảo dưỡng (3 ca)	6	Người
Công nhân vận hành hệ thống (3 ca)	6	Người

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

3.2.1. Quy trình sản xuất trái cây tươi



Hình 1. 2. Quy trình sản xuất trái cây tươi

✦ *Thuyết minh quy trình*

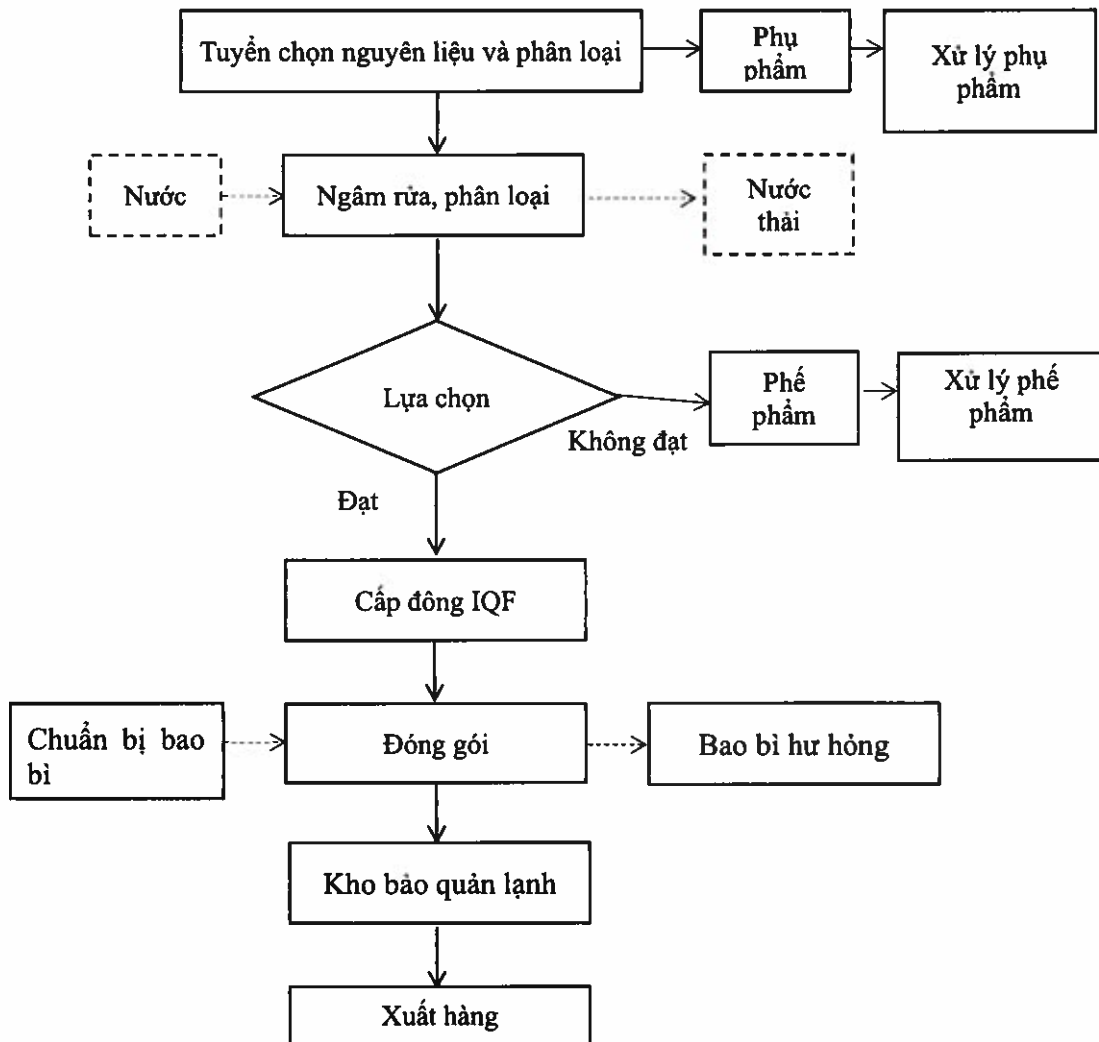
- *Tuyển chọn nguyên liệu và phân loại:* Đây là bước đầu tiên và cũng là bước rất quan trọng quyết định chất lượng hàng, nguyên liệu nhập về Nhà máy dưới sự giám sát của cán bộ kỹ thuật, được phân loại theo phẩm cấp tiêu chuẩn sản xuất sau đó mới tiếp nhận vào kho.

- *Phân loại:* Tại đây sầu riêng được phân loại theo kích cỡ, yêu cầu của khách hàng.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

- **Đóng gói:** Sau khi được phân loại sẵn riêng được đóng gói vào các thùng để vận chuyển đến khách hàng.

3.2.2. Quy trình sản xuất trái cây đông lạnh nguyên trái



Hình 1. 3. Quy trình sản xuất trái cây đông lạnh nguyên trái

✚ **Thuyết minh quy trình**

- **Tuyển chọn nguyên liệu và phân loại:** Đây là bước đầu tiên và cũng là bước rất quan trọng quyết định chất lượng hàng, nguyên liệu nhập về Nhà máy dưới sự giám sát của cán bộ kỹ thuật, được phân loại theo phẩm cấp tiêu chuẩn sản xuất sau đó mới tiếp nhận vào kho.

- **Ngâm rửa và phân loại theo kích cỡ:** Công đoạn này nhằm để loại bỏ chất bẩn và phân loại theo yêu cầu.

- **Lựa chọn:** Nguyên liệu sau khi được phân loại theo kích thước được đưa vào khu vực cấp đông.

- **Cấp đông thành phẩm:**

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

Ngành chế biến trái cây, rau củ quả ngày càng phát triển nên xu hướng yêu cầu của người tiêu dùng ngày càng cao, để đáp ứng phân khúc thị trường khách cao cấp, thị trường khó tính. Lựa chọn trang bị của nhà máy dựa trên thiết bị đông lạnh tối ưu nhất hiện nay: Đó là băng chuyền IQF tăng sôi cho sản phẩm có kích thước nhỏ, IQF và hầm đông ni tơ lỏng.

+ IQF tăng sôi chạy môi chất NH_3 :

IQF là viết tắt của cụm từ "Individual Quick Frozen" nghĩa là cấp đông nhanh từng cá thể.

Buồng lạnh hoạt động ở nhiệt độ -35°C đến -40°C .

Thời gian cấp đông nhanh: tối đa không quá 30 phút.

Nhiệt độ tâm sản phẩm đạt -18°C đạt yêu cầu bảo quản theo vòng đời sản phẩm.

Phù hợp với các nguyên liệu như: đậu nành rau, đậu bắp, bí đỏ, xoài, dưa cắt miếng (# 25x25mm).... Thời gian cấp đông các loại này thông thường dưới 15 phút.

Đặc điểm của thiết bị IQF tăng sôi sẽ tạo sản phẩm đông lạnh đồng đều vừa đáp ứng được yêu cầu về an toàn về sinh thực phẩm, vừa đảm bảo dinh dưỡng và vừa tạo sản phẩm rời đáp ứng được thị hiếu khách hàng hiện nay.

+ Công nghệ hầm đông và IQF ni tơ lỏng:

Ni tơ lỏng làm môi chất làm lạnh, nguyên liệu thực phẩm đông lạnh nhanh, do đặc tính nhiệt độ bốc hơi cực thấp -196°C , sẽ không phá hủy cấu trúc bên trong của nguyên liệu thực phẩm để đảm bảo duy trì hương vị ban đầu và đặc tính dinh dưỡng của thực phẩm và tỷ lệ mất nước là rất thấp, có thể nhận ra sự đóng băng nhanh chóng mà không có thất thoát.

Tủ đông và IQF công nghiệp ni tơ lỏng trang bị màn hình cảm ứng.

Hệ thống điều khiển PLC hiển thị tất cả các thông số và trạng thái thiết bị theo thời gian thực. Tổng thể thiết bị được làm bằng thép không gỉ đẹp và bền, đồng thời sử dụng lớp cách nhiệt bọt 150mm bằng thép không gỉ SUS304 hai mặt cấp thực phẩm.

Công nghệ tủ cấp đông và băng tải cấp đông IQF ni tơ lỏng => Sử dụng công nghệ cấp đông nhanh từng cá thể, đây chính là một bước cải tiến mới để giúp trái cây cấp đông đạt chất lượng tốt nhất. Khác với phương pháp cấp đông thông thường, cấp đông này giúp bảo quản trái cây được lâu hơn và quan trọng là nó giúp giữ nguyên được giá trị dinh dưỡng trong mỗi loại trái cây.

Với sản phẩm được cấp đông IQF công nghệ Nitrogen thì thời gian bảo quản sản phẩm được lâu hơn, chất lượng sản phẩm gần như được giữ nguyên vẹn.

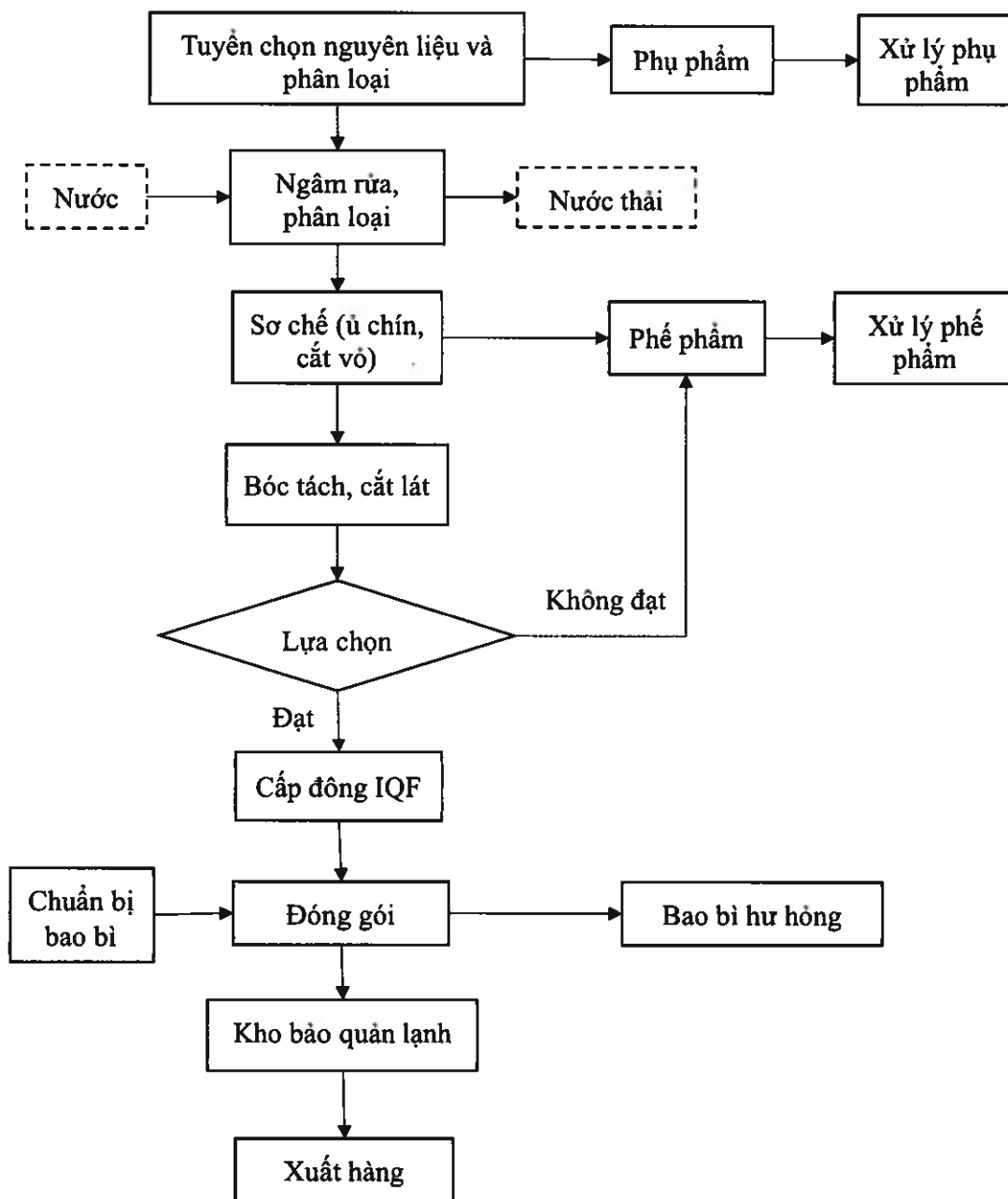
Nguyên lý hoạt động:

Các sản phẩm, nguyên liệu đi trên băng tải của dây chuyền di chuyển qua các khe gió thổi tốc độ lớn, các khe gió thổi từ trên xuống để làm lạnh sản phẩm trên băng và từ dưới lên để làm lạnh băng truyền. Gió thổi tạo nên hiệu ứng Coanda (là một hiện tượng vật lý được nhà khí động học tên Henri Coanda đã khám phá ra) giúp cho khí lạnh tiếp xúc với tất cả bề mặt của các loại sản phẩm để được đông nhanh và đều. Ở tâm sản phẩm đạt mức nhiệt -18°C là tốt nhất.

Đóng gói: Sau khi qua khâu kiểm soát thì sẽ đóng gói vào túi PE có hút hoặc không hút chân không và bảo quản lạnh.

Kho bảo quản lạnh: Sau khi sản phẩm được đóng gói sẽ được bảo quản tại kho lạnh, chờ xuất hàng.

3.2.3. Quy trình sản xuất sầu riêng tách múi đông lạnh, trái cây cắt lát đông lạnh



Hình 1. 4. Quy trình sản xuất sầu riêng tách múi, trái cây cắt lát đông lạnh

⚡ Thuyết minh quy trình

- *Tuyển chọn nguyên liệu và phân loại*: Đây là bước đầu tiên và cũng là bước rất quan trọng quyết định chất lượng hàng, nguyên liệu nhập về Nhà máy dưới sự giám sát của cán bộ kỹ thuật, được phân loại theo phẩm cấp tiêu chuẩn sản xuất sau đó mới tiếp nhận vào kho.

- *Ngâm rửa và phân loại theo kích cỡ*: Công đoạn này nhằm để loại bỏ chất bẩn và phân loại theo yêu cầu.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

- **Sơ chế:** Đối với sầu riêng được ủ chín; đối với các loại chuối, xoài, rau củ khác được phân loại theo kích thước đưa vào khu vực gọt, cắt tía theo yêu cầu.

- **Bóc tách sầu riêng, cắt lát trái cây:** Đối với sầu riêng được bóc tách thủ công; đối với các loại trái cây khác được đưa tiếp đến khu vực tạo hình theo yêu cầu của khách hàng. Hệ thống dao thái và dao chẻ miếng tạo hình bán thành phẩm. Hoặc tạo hình thủ công tùy theo yêu cầu của khách hàng.

- **Cấp đông bán thành phẩm:** Sau khi được bóc tách, cắt lát, tạo hình sẽ được kiểm tra để loại bỏ những lát không đạt yêu cầu (trong quá trình cắt lát bị dập hoặc những lát không đủ kích thước). Kiểm tra xong lập tức đưa vào máy cấp đông IQF.

- **Đóng gói:** Sau khi qua khâu kiểm soát thì sẽ đóng gói vào túi PE có hút hoặc không hút chân không và bảo quản lạnh.

- **Kho bảo quản lạnh:** Sau khi sản phẩm được đóng gói sẽ được bảo quản tại kho lạnh, chờ xuất hàng.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Bảng 1. 1. Sản phẩm của dự án

STT	Các loại sản phẩm của dự án	Đơn vị	Khối lượng nguyên liệu	Khối lượng sản phẩm	Tỷ lệ thải
1	Trái cây nguyên trái xuất tươi (thuộc quy trình sản xuất trái cây tươi)				
1.1	Sầu riêng nguyên trái xuất tươi	tấn/năm	29.550	29.255	1,0%
2	Trái cây đông lạnh nguyên trái (thuộc quy trình sản xuất trái cây đông lạnh nguyên trái)				
2.1	Sầu riêng đông lạnh nguyên trái	tấn/năm	12.600	12.474	1,0%
2.2	Chuối đông lạnh nguyên trái	tấn/năm	3.360	1.680	50,0%
2.3	Chanh dây đông lạnh nguyên trái	tấn/năm	3.360	3.326	1,0%
2.4	Khoai lang đông lạnh nguyên củ	tấn/năm	3.360	3.326	1,0%
2.5	Xoài	tấn/năm	1.810	905	50,0%
3	Trái cây bóc tách, cắt lát đông lạnh (thuộc quy trình sản xuất trái cây bóc tách, cắt lát đông lạnh)				
3.1	Sầu riêng tách múi đông lạnh	tấn/năm	12.600	4.284	66,0%
3.2	Xoài đông lạnh	tấn/năm	3.360	1.680	50,0%
	Tổng cộng	tấn/năm	70.000	56.930	18,7%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn – Xuất nhập khẩu Chánh Thu)

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
“Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk”*

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của dự án

4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu và hoá chất sử dụng

Nguồn nguyên liệu trái cây phục vụ cho nhu cầu sản xuất của Nhà máy tại Đắk Lắk và các tỉnh lân cận. Chi tiết như sau:

- + Trái cây nguyên trái xuất tươi (sầu riêng): 29.550 tấn/năm;
- + Trái cây đông lạnh nguyên trái (sầu riêng, chuối, chanh dây, khoai lang, xoài): 24.490 tấn/năm;
- + Trái cây bóc, tách đông lạnh (sầu riêng tách múi, xoài cắt lát): 15.960 tấn/năm.

Ngoài ra, để phục vụ cho hoạt động sản xuất của nhà máy, còn các vật tư phụ, nhiên liệu, hoá chất khác. Cụ thể như sau

Bảng 1. 2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

STT	Tên hóa chất, vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Gas	tấn/năm	200	
2	Khí Nitơ	tấn/năm	100	Cung cấp cho dàn lạnh IQF
3	Xăng	Lít/năm	25.000	Xe vận chuyển
4	Dầu DO	Lít/năm	8.000	Máy phát điện
5	Vật tư bao bì (bao nylon, băng keo,...)	tấn/năm	200	Đóng gói sản phẩm

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn – Xuất nhập khẩu Chánh Thu)

Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng hóa chất, vật tư của dự án

STT	Tên hóa chất, vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Mục đích sử dụng
1	NaOH 99%	tấn/năm	5,3	Xử lý nước thải
2	PAC 30%	tấn/năm	7,92	Xử lý nước thải
3	Polymer anion	tấn/năm	2,11	Xử lý nước thải
4	Chlorine	tấn/năm	1,5	Xử lý nước thải, nước cấp

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn – Xuất nhập khẩu Chánh Thu)

4.2. Nguồn cấp điện của dự án đầu tư

- Nguồn cung cấp điện phục vụ hoạt động của nhà máy lấy từ mạng lưới điện của xã Cuôr Đăng với công suất khoảng 4.500 kWh/tháng.
- Ngoài ra để đảm bảo sản xuất liên tục khi nguồn cung cấp điện bị gián đoạn, chủ cơ sở đã bố trí lắp đặt máy phát điện dự phòng công suất 900kVA.

4.3. Nguồn nước sử dụng của dự án đầu tư

Nguồn cấp nước: Nhà máy sử dụng nguồn nước giếng khoan theo Giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất số 92/GP-UBND ngày 15/11/2023.

Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng nước và tổng lượng nước thải phát sinh

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

STT	Mục đích sử dụng	Số lượng	Định mức	Tổng lượng nước sử dụng (m ³ /ngày)	Tổng lượng nước thải phát sinh (m ³ /ngày)	Tỷ lệ thải
1	Nước cấp cho hoạt động sinh hoạt của công nhân viên	150 người	100 lít/người/ngày	15	15	100% lượng nước cấp
2	Nước cấp cho nhu cầu hoạt động sản xuất	196,4 tấn/ngày	0,942 m ³ /tấn sản phẩm	185	185	100% lượng nước cấp
3	Nước cấp cho hoạt động vệ sinh nhà xưởng	-	5 m ³ /ngày	5	5	100% lượng nước cấp
Tổng				225	205	

Chú thích: Nước cấp cho nhu cầu sản xuất của dự án đã bao gồm nước cấp cho hoạt động chế biến; hoạt động của nhà bếp, phòng giặt, căn tin; nước làm mát. Định mức cấp nước được lấy từ dự án có quy mô tương tự và dựa trên báo cáo tình hình khai thác nước dưới đất năm 2023 của nhà máy.

- Nước phục vụ cho PCCC theo tiêu chuẩn TCVN 2622:1995 lưu lượng trữ đảm bảo 15 lít/s, áp lực nước > 10m. Lượng nước dự trữ cấp nước cho hoạt động chữa cháy được tính cho 01 đám cháy trong 2 giờ liên tục với lưu lượng 15 lít/giây. $Q_{cc} = 15 \text{ lít/giây} \times 2 \text{ giờ} \times 3.600 \text{ giây/1.000} = 108 \text{ m}^3$. Nước dùng cho mục đích PCCC nên không được tính vào nhu cầu dùng nước thường xuyên.

- Nước cho hoạt động tưới cây xung quanh khuôn viên nhà máy: với tiêu chuẩn tưới khoảng 3 lít/m² (theo QCVN 01:2021/BXD). Với diện tích cây xanh là 33.370m², vậy lượng nước cần vào khoảng 100m³/lần tưới. Tuy nhiên, lượng nước dùng này chỉ phục vụ tưới cây vào mùa khô tại nên không được tính vào nhu cầu dùng nước thường xuyên

Tổng lượng nước thải phát sinh của nhà máy là 205 m³/ngày đêm. Với hệ số an toàn k=1,2 để đảm bảo hoạt động ổn định và phòng ngừa các sự cố, công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất 250m³/ngày đêm; vì vậy công ty xin đề xuất cấp phép với lượng nước thải xả ra tương ứng với công suất thiết kế tối đa của hệ thống xử lý nước thải là 250m³/ngày đêm và xin cam kết nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTMT, cột A.

5. Các thông tin khác của dự án

5.1. Vị trí và quy mô dự án

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
“Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk”**



Hình 1. 5. Định vị vị trí dự án và ranh giới xung quanh

Vị trí thực hiện dự án tại thửa đất số 722, tờ bản đồ số 76, thôn Nam Kỳ, xã Ea Drong, huyện Cư M'gar với tổng diện tích 99.802m². Ranh giới được xác định như sau:

- + Phía Đông: giáp đất nông nghiệp;
- + Phía Bắc: giáp đất nông nghiệp;
- + Phía Tây: giáp đất nông nghiệp;
- + Phía Nam: giáp đất nông nghiệp

Bảng 1. 5. Chi tiết cơ cấu sử dụng đất và mật độ xây dựng của dự án

STT	Hạng mục xây dựng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Đất xây dựng công trình	36.751,47	36,8	
2	Đất hạ tầng kỹ thuật	4.000	4	
3	Đất cây xanh	33.370	33,4	
4	Đất hành lang an toàn điện	1.015,9	10,6	
5	Đất giao thông nội bộ	14.915,6	15	
Tổng cộng		99.802,5	100%	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn – Xuất nhập khẩu Chánh Thu)

Bảng 1. 6. Chi tiết các hạng mục công trình xây dựng của dự án

STT	Hạng mục	Diện tích(m ²)	Ghi chú
I	Công trình chính		

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

1.1	Khu nhà chính (nhà xưởng sản xuất), bao gồm: + Khu tập kết phân loại nguyên liệu + Khu xử lý sảu riêng + Khu bóc tách sảu riêng + Kho bao bì + Khu đóng bao bì + Phòng sản xuất + Kho đông + Khu vực vệ sinh khay, rổ đựng + Khu nhà giặt đồ bảo hộ + Khu vực máy phát điện, trạm biến áp + Khu vực bồn nito + Khu xử lý nước cấp	30.000	
II	Công trình phụ trợ		
2.1	Khu văn phòng	510,0	
2.2	Khu nhà xe nhân viên	250,0	
2.3	Khu nhà xe hơi	152,0	
2.4	Khu nhà bảo vệ 1	40,0	
2.5	Khu nhà bảo vệ 2	30,0	
2.6	Khu nhà ăn và nhà cư trú	1.180,0	
2.7	Khu nhà bảo vệ 3	12,0	
2.8	Trạm bơm PCCC	39	
2.9	Cầu cân và nhà khử khuẩn	46,7	
III	Công trình bảo vệ môi trường		
3.1	<i>Khu phụ (Thay đổi công năng từ: Khu vực ủ chín sảu riêng)</i>	4.320,0	Thay đổi công năng: Từ khu ủ, xử lý vỏ sảu riêng thành khu phụ trợ Lý do: Không thực hiện hoạt động xử lý vỏ sảu riêng thành
3.1.1	<i>Khu vực sân phơi bê tông</i>	2.515	
3.1.2	<i>Khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt</i>	20	
3.1.3	<i>Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại</i>	12	
3.1.4	<i>Kho hoá chất</i>	30	

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"**

3.1.5	Kho cách ly nguyên liệu đầu vào không đạt chuẩn	650	phân bổ trong khuôn viên nhà máy
3.1.6	Kho chất thải rắn sản xuất thông thường	360	
3.1.7	Kho chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế	360	
3.2	Hệ thống xử lý nước thải, bao gồm: + Cụm bể xử lý nước thải: 145,07 m ² + Nhà vận hành HTXLNT: 26,7 m ²	171,77	
3.3	Đất hạ tầng kỹ thuật, bao gồm: + Hồ chứa nước mưa + Hồ sục cở + Hành lang	4.000	
IV	Đất cây xanh	33.370	
V	Đất hành lang an toàn điện	1.015,9	
VI	Đất giao thông nội bộ	14.915,6	
Tổng		99.802,5	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn – Xuất nhập khẩu Chánh Thu)

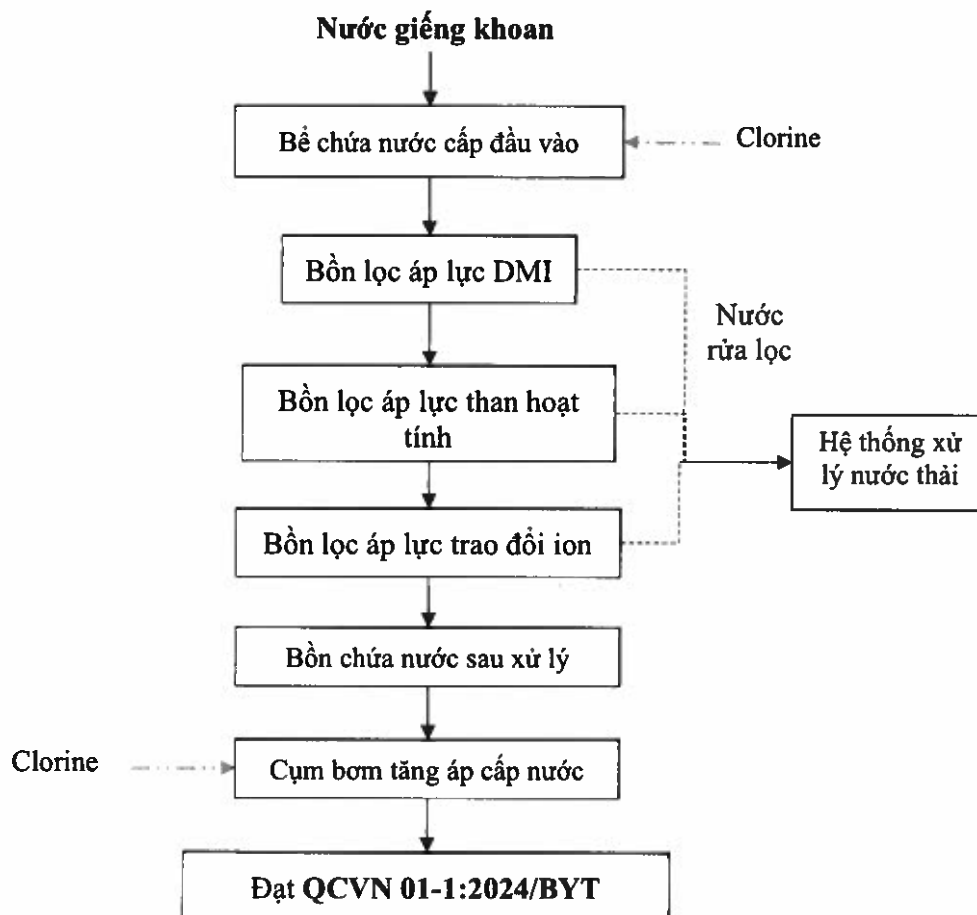
5.2. Danh mục máy móc thiết bị của dự án

Bảng 1. 7. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất

TT	Tên thiết bị và máy móc	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng
1	Kho đông/mát	Hệ	04	Việt Nam	Mới 100%
2	Băng tải bóc tách	Hệ	10	Việt Nam	Mới 100%
3	Bàn bóc tách	Hệ	50	Việt Nam	Mới 100%
4	Hệ thống rửa khử trùng	Hệ	05	Việt Nam	Mới 100%
5	Cần điện tử xe tải 80 tấn	Cái	01	Việt Nam	Mới 100%
6	Máy cắt lát trái cây	Cái	05	Đài Loan	Mới 100%
7	Hệ thống cấp đông nhanh	Hệ	02	Đài Loan	Mới 100%
8	Tháp giải nhiệt ngưng tụ	Hệ	10	Việt Nam	Mới 100%
9	Máy tách vỏ	Cái	01	Việt Nam	Mới 100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn – Xuất nhập khẩu Chánh Thu)

5.3. Công trình xử lý nước cấp phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất của nhà máy



Hình 1. 6. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước cấp

Thuyết minh quy trình công nghệ:

Nước giếng khoan được hệ thống bơm chìm trong giếng bơm lên bồn chứa nước giếng khoan đầu vào. Bồn có mục đích là bể chứa trung gian cung cấp nước cho hệ thống xử lý nước cấp. Nhằm đảm bảo bơm cấp nước xử lý và hệ thống lọc nước được hoạt động ổn định.

Nước cấp bồn chứa nước giếng khoan đầu vào sẽ được 02 cụm bơm cấp lọc dẫn đến 02 hệ thống Module lọc nước hoạt động song song nhau.

Bồn lọc áp lực DMI là bồn lọc hình trụ đứng cấu tạo bằng vật liệu composite.. Với áp suất nước từ bơm cấp lọc giúp tăng năng suất, hiệu quả công việc xử lý.

Nguyên lý hoạt động của bồn lọc áp lực như sau. Đầu tiên, nước cấp vào bồn chứa thông qua bộ phận phân phối đặt ở trên cùng của bồn chứa. Sau đó, nước trong ống áp lực được đẩy ngược lại qua cát và hạt lọc DMI. Nước đi qua lớp vật liệu lọc được dẫn vào ống thu nước dưới đáy bồn lọc và được dẫn ra ngoài.

Sử dụng hạt vật liệu lọc DMI-65 với các ưu điểm:

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

+ DMI-65 là vật liệu lọc cát silic đã cải tiến, được thiết kế cho việc loại bỏ sắt và mangan. Cấu trúc rỗng li ti độc đáo của DMI-65 cho phép loại bỏ sắt đến 0.005 ppm và mangan đến 0.001 ppm. Sau khi kích hoạt lần đầu, DMI-65 hoạt động như một chất oxy hóa với quá trình oxy hóa tức thời và lọc các kết tủa không tan. Vật liệu này đã được sử dụng rộng rãi trong một loạt các ứng dụng tại Nhật Bản trong hơn 30 năm. Quantum Filtration sản xuất DMI-65 theo giấy phép tại miền Tây Úc. DMI-65 đã được kiểm tra và chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn NSF/ANSI 61 bởi Hiệp hội Chất lượng Nước.

+ DMI-65 còn có thể được dùng như là vật liệu lọc cơ học bởi khả năng lọc cặn rắn lên đến 10 micron.

+ DMI-65 còn có thể loại bỏ Asen, Nhôm và Hydro Sunfua trong điều kiện nhất định.

Nước cấp sau khi qua lọc qua Bồn lọc áp lực DMI sẽ được dẫn qua Bồn lọc áp lực than hoạt tính.

Định kỳ sau thời gian lọc, từ 2 ngày, Hệ thống Autovan được cài đặt để tự hoạt động rửa bồn lọc, để đảm bảo lưu lượng lọc luôn ổn định và tăng tuổi thọ thiết bị mà không cần đến nhân công vận hành. Nước thải của quá trình rửa lọc sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

Nguyên lý hoạt động giống với bồn lọc áp lực DMI tuy nhiên vật liệu lọc được thay thế bằng than hoạt tính.

Vật liệu lọc than hoạt tính giúp loại bỏ các tạp chất gây ra độ màu, độc tố trong nước cấp (Asen, dư lượng thuốc trừ sâu,...), đồng thời than hoạt tính giúp giảm hơn 90% mùi vị trong nước cấp.

Nước cấp sau khi qua lọc qua Bồn lọc áp lực than hoạt tính sẽ được dẫn qua Bồn lọc áp trao đổi ion.

Định kỳ sau thời gian lọc, từ 2 ngày, Hệ thống Autovan được cài đặt để tự hoạt động rửa bồn lọc, để đảm bảo lưu lượng lọc luôn ổn định và tăng tuổi thọ thiết bị mà không cần đến nhân công vận hành. Nước thải của quá trình rửa lọc sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

Nước cứng là nước có hàm lượng Ca^{2+} và Mg^{2+} cao hơn mức tiêu chuẩn cho phép. Nước cứng thường có hiện tượng đóng cặn làm cho các đường ống nước nhanh bị tắc, các loại thiết bị nhanh bị hư hỏng,...làm giảm tuổi thọ. Khái niệm làm mềm nước tức là làm giảm hàm lượng hai ion Ca^{2+} và Mg^{2+} đưa về mức tiêu chuẩn, qua đó giải quyết vấn đề đóng cặn.

Hệ thống lọc áp lực trao đổi ion hoạt động trên nguyên lý trao đổi ion giữa các hạt nhựa, thay thế các ion gốc tự do gây hại cho sức khỏe bằng các ion vô hại. Các hạt nhựa trao đổi ion (hạt nhựa làm mềm nước) trong hệ thống này loại bỏ các chất khoáng không cần thiết trong nước. Các hạt nhựa này bản chất là các vật liệu có cấu trúc phân tử, không hòa tan, chứa các gốc bazơ hoặc gốc axit có thể thay thế được và không gây ảnh hưởng đến tính chất vật lý của hạt.

Nước được làm mềm bằng cách sử dụng một loại nhựa có chứa ion Na^{+} liên kết với một cation (ion âm) khác, cation đó có khả năng liên kết với Ca^{2+} và Mg^{2+} mạnh hơn Na^{+} . Khi cho hạt nhựa vào cột trao đổi ion và cho nước cần xử lý chảy qua cột lọc, cation trong nhựa sẽ liên kết với các ion Ca^{2+} và Mg^{2+} và giữ chúng lại trong cột, đồng thời giải phóng Na^{+} vào nước, cách này giúp loại bỏ hai ion Ca^{2+} và Mg^{2+} có trong nước, giúp nước "mềm" hơn.

Nước cấp sau khi qua Bồn lọc trao đổi ion sẽ được châm Clorine để khử trùng nước cấp 01 lần nữa trước khi dẫn vào Bồn chứa nước sau xử lý

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

Bồn chứa nước sau xử lý có dung tích 180m³ luôn đảm bảo cung cấp đủ lượng nước cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của nhà máy dù có bất kì sự cố nào trong thời gian khắc phục sự cố và bảo trì hệ thống xử lý nước cấp.

Sau bồn chứa nước cấp sau xử lý là cụm bơm tăng áp với nguyên lý hoạt động theo áp suất và biến tần điều khiển. Nhằm đáp ứng lưu lượng nước đủ sử dụng với áp lực thích hợp. Nước sau xử lý luôn đạt yêu cầu theo Bồn chứa nước sau xử lý có dung tích 180m³ luôn đảm bảo cung cấp đủ lượng nước cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của nhà máy dù có bất kì sự cố nào trong thời gian khắc phục sự cố và bảo trì hệ thống xử lý nước cấp.

Sau bồn chứa nước cấp sau xử lý là cụm bơm tăng áp với nguyên lý hoạt động theo áp suất và biến tần điều khiển. Nhằm đáp ứng lưu lượng nước đủ sử dụng với áp lực thích hợp. Nước sau xử lý luôn đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
“Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk”*

**CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ
NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Tại thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk phù hợp với các quy định như sau:

- Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/07/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 04/05/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định 1747/ QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1783/2022/QĐ-UBND ngày 10/08/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án Nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk tại thửa đất số 722, tờ bản đồ địa chính số 76, thôn Nam Kỳ, xã Ea Drong, huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk;
- Quyết định số 3313/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND huyện Cư M’Gar về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chánh Thu;
- Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk” tại thôn Nam Kỳ, xã Ea Drong, huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk;
- Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 08/03/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cho Công ty cổ phần Tập đoàn xuất – nhập khẩu trái cây Chánh Thu thuê 99.802m² đất tại xã Ea Drong, huyện Cư M’gar để sử dụng vào mục đích thực hiện dự án nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk;
- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 01272/QĐ-UBND ngày 12/09/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk;

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.1. Nước thải

Theo báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc chất lượng môi trường nước mặt tại vị trí có toạ độ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108⁰30’, múi chiều 3’) X =464915, Y=1416408.

STT	Thông số	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	QCVN 08:2023/ BTNMT, (Mức C)
1	COD	23,2	22,9	24,1	≤20
2	BOD ₅	12,9	13,1	13,4	≤10
3	NH ₄ ⁺	0,168	0,157	0,162	0,3
4	Nitrat	0,534	0,523	0,631	-
5	Tổng Coliform	2,1 x 10 ³	2,2 x 10 ³	2,1 x 10 ³	<7500
6	TSS	36,3	35,6	33,2	>100

(Nguồn: Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường, 2022)

Nhân xét: Chất lượng nước suối Ea Kua qua 3 đợt quan trắc cho thấy:

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

- + Thông số COD và BOD₅ tại cả 3 đợt đều vượt giới hạn cho phép của QCVN 08:2023/BTNMT (mức C), cho thấy nguồn nước có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ và khả năng tự làm sạch của thủy vực còn hạn chế.
- + Hàm lượng NH₄⁺ trong nước đều nằm trong giới hạn cho phép, cho thấy mức độ ô nhiễm do hợp chất amoni chưa đáng kể.
- + Hàm lượng Nitrat ở mức thấp, không có quy chuẩn so sánh, tuy nhiên giá trị đo được chưa cho thấy nguy cơ ô nhiễm dinh dưỡng.
- + Tổng Coliform đều nằm trong giới hạn cho phép, phản ánh mức độ ô nhiễm vi sinh chưa cao.
- + TSS ở cả 3 đợt quan trắc đều thấp hơn ngưỡng giới hạn cho phép, chứng tỏ hàm lượng chất rắn lơ lửng trong nước không lớn



Hình 2.1. Định vị vị trí xả nước thải của dự án

Khả năng tiếp nhận chất ô nhiễm là đồng đều trên Suối Ea Kua, không có liệu về lưu lượng dòng chảy của Suối Ea Kua. Do đó, khả năng chịu tải của môi trường nước mặt được đánh giá định tính dựa trên kết quả quan trắc chất lượng nước.

Từ các kết quả phân tích cho thấy, suối Ea Kua hiện vẫn còn khả năng tiếp nhận thêm một lượng nhất định các chất ô nhiễm, tuy nhiên đối với các thông số ô nhiễm hữu cơ (COD, BOD₅), môi trường nước đã có dấu hiệu tiệm cận hoặc vượt ngưỡng cho phép, do đó khả năng chịu tải đối với các chất ô nhiễm này là không lớn.

Vì vậy, Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất - Nhập khẩu trái cây Chánh Thu xin đề xuất, nội dung cấp phép và chương trình giám sát như sau:

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

+ Lưu lượng nước thải xả tối đa vào nguồn tiếp nhận là 250m³/ ngày đêm, tương đương 10,416 m³/giờ.

+ Nước thải sau xử lý của dự án đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột A (Kq = 0,9; Kf = 1,1).

Toạ độ vị trí xả thải ra nguồn tiếp nhận: (Theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 108⁰30', múi chiếu 3⁰): X = 465468, Y=1416355.

+ Giám sát chất lượng nước mặt (nguồn tiếp nhận) với chất lượng nước được đánh giá theo QCVN 08:2023/BTNMT – Mức C.

2.2. Chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của dự án được thu gom, phân loại và tập kết tại công phụ lấy rác. Chất thải rắn sinh hoạt được bàn giao cho ông Bạch Hưng Tú theo hợp đồng số 01/2024/HĐTGRTSH ngày 01/08/2024 giữa ông Bạch Hưng Tú và Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất nhập khẩu trái cây Chánh Thu, định kỳ vào thứ 3-5-7 hàng tuần.

- Chất thải rắn sản xuất thông thường là phụ phẩm, phế phẩm từ nguyên liệu sản xuất được thu gom và chuyển giao cho Công ty Cổ phần sản xuất khai thác khoáng sản Đại Nam định kỳ mỗi ngày.

- Chất thải rắn sản xuất thông thường khác được lưu giữ tại kho chất thải rắn sản xuất thông thường và được thu gom, xử lý tương tự như chất thải rắn sinh hoạt.

- Chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế từ quá trình sinh hoạt và sản xuất được thu gom, phân loại và lưu giữ tại kho chất thải tái chế và chuyển giao cho đơn vị có chức năng khi dự án đi vào hoạt động.

- Chất thải rắn công nghiệp cần kiểm soát được thu gom, phân loại và kiểm định. Tùy thuộc vào tính chất của chất thải sau kiểm định được chuyển giao và xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ tại kho lưu giữ CTNH và chuyển giao cho Công ty Cổ phần Môi trường Khánh Hoà theo hợp đồng kinh tế số 391/25/HĐKT/MTKH ngày 04/09/2025 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất nhập khẩu Trái cây Chánh Thu và Công ty CP Môi trường Khánh Hoà với tần xuất 01 lần/ năm.

2.3. Bụi, khí thải

- Dự án khi đi vào hoạt động không phát sinh công trình xử lý khí thải. Tuy nhiên, với hoạt động đặc thù là sản xuất, chế biến trái cây sẽ phát sinh mùi đặc trưng từ quá trình sản xuất. Dự án theo quy hoạch 1/500 không nằm trong phạm vi khu dân cư, chế độ thông gió đảm bảo môi trường làm việc.

- Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông đã được dự án lên phương án bố trí các khu vực nhà xe, tập kết nguyên liệu và thành phẩm riêng biệt không gây tác động lớn đến không khí xung quanh.

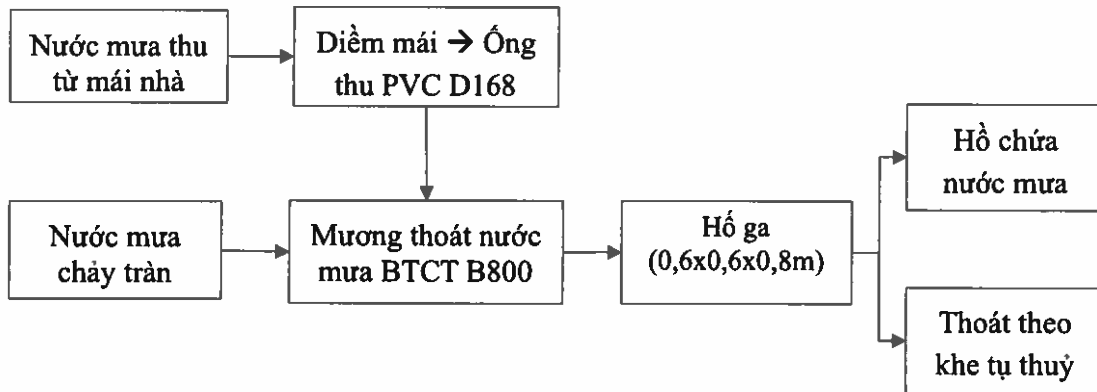
- Mùi hôi, khí thải phát sinh từ quá trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải, kho lưu giữ các loại chất thải cũng được xây dựng phương án giảm thiểu như: bố trí khu vực cuối hướng gió so với khu vực sản xuất, bố trí đất trồng cây xanh,...

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Công trình thu gom, thoát nước mưa

a. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án:



Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được xây dựng tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Toàn bộ diện tích xung quanh các hạng mục xây dựng có nguy cơ phát sinh nước mưa chảy tràn của cơ sở đều được bê tông hóa, phục vụ cho việc đi lại và thu gom, tiêu thoát nước mưa chảy tràn.

↓ Tuyến thu gom:

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa mái (khu vực văn phòng, nhà xưởng, nhà kho lạnh, ...) bằng ống nhựa PVC D168 riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của dự án, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước mưa chung.

- Nước mưa chảy tràn trên nền bê tông sân bãi chảy theo độ dốc về các mương thoát nước mưa của dự án. Mương thoát nước mưa là mương BTCT kín, tấm đan đục lỗ B800.

↓ Tuyến thoát nước:

- Tuyến thứ nhất: Thu gom toàn bộ nước mưa mái, chảy tràn bề mặt tại khu vực phía Bắc của dự án. Nước mưa chảy theo cống dọc đường N1, N2 về cửa xả cuối đường N1 theo đường hiện trạng, thoát theo khe tự thủy.

- Tuyến thứ hai: Thu gom toàn bộ nước mưa mái, chảy tràn bề mặt tại khu vực phía Nam của dự án. Nước mưa chảy theo cống dọc đường N3 về hồ chứa nước mưa.

b. Công trình thu gom nước mưa của dự án:

Bảng 3. 1. Hạng mục công trình thuộc hệ thống đường ống thu gom, thoát nước mưa

STT	Hạng mục	Quy cách	Khối lượng	Ghi chú
1	Mương thoát nước mưa	BTCT B800	L= 168m	Thu nước mưa chảy tràn phía Bắc dự án
2	Hồ ga nước mưa I Có lưới chắn rác (1 x 0,5m)	L x B = 1,9 x 1m H=cos nền+ 1.2m	23 hồ	BTCT + gạch + lưới sắt chắn rác

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"**

3	Hồ ga nước mưa II	L x B = 1x1m H=cos nền+1,1m	16 hồ	BTCT + gạch
4	Hồ chứa nước mưa	L x B = 40x84m	1 hồ	BTCT + Bạt HDPE

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn – Xuất nhập khẩu Chánh Thu)

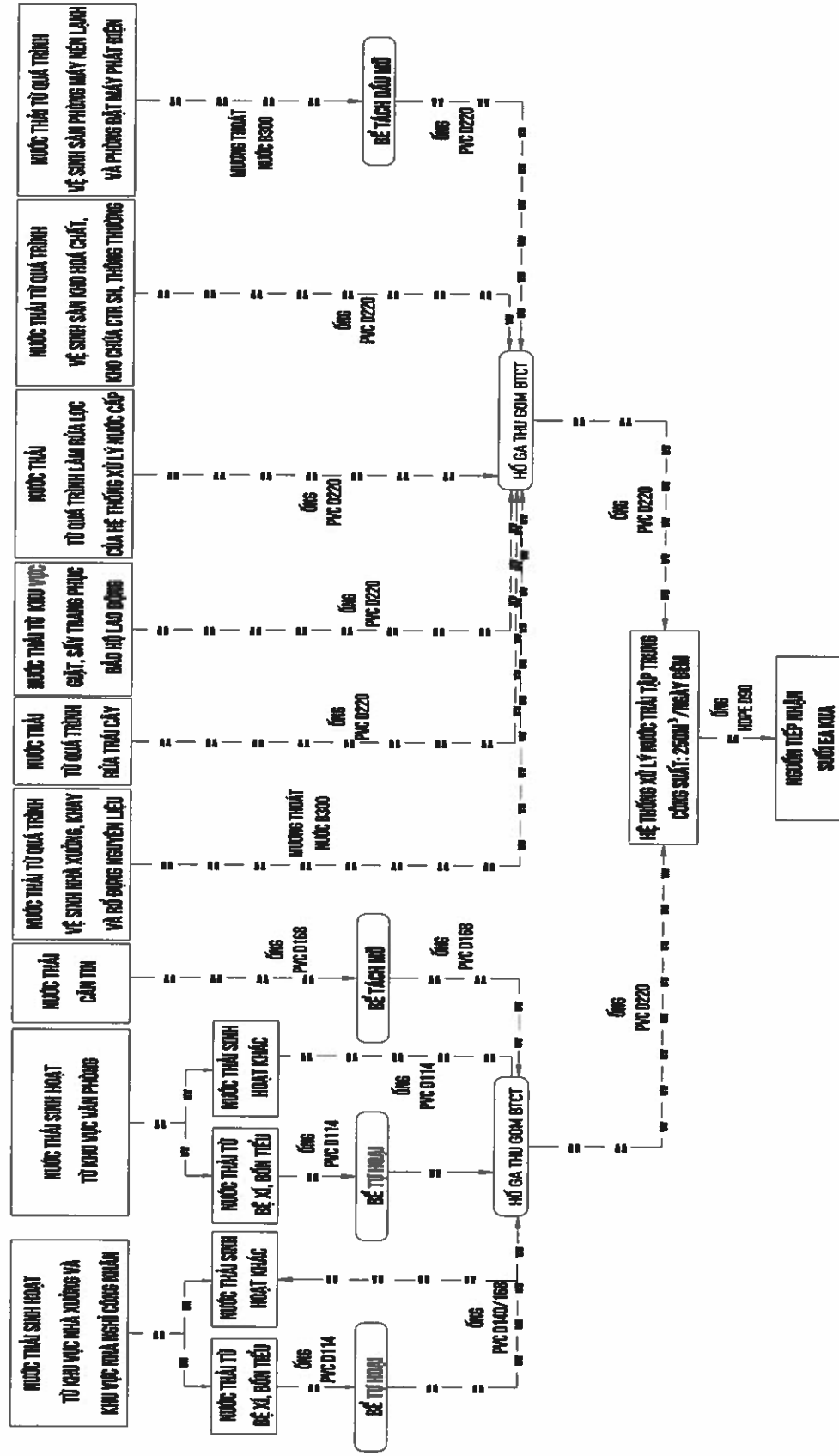
✦ **Hồ chứa nước mưa:**

- Hồ chứa nước mưa của dự án được sử dụng để chứa nước dự phòng cho hoạt động PCCC và tưới cây trong khuôn viên của dự án.

- Tại hồ chứa nước mưa có bố trí 01 trạm bơm và hệ thống đường ống bơm nước DN 40 cho hoạt động tưới cây và PCCC của dự án.

1.2. Công trình thu gom, thoát nước thải

a. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải của dự án:



Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải của dự án

❖ **Nước thải sinh hoạt:**

- *Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà xưởng và khu vực nhà nghỉ công nhân:*
 - + Nước thải từ từ bể xí, bồn tiểu theo đường ống thu gom PVC D114mm chảy về bể tự hoại sau đó theo đường ống PVC D114mm chảy về hố ga thu gom.
 - + Nước thải sinh hoạt khác bao gồm: nước tắm, nước rửa tay, nước giặt giũ theo đường ống thu gom PVD D140/168mm chảy về hố ga thu gom.
 - Nước thải theo đường ống PVC D220 → hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- *Nước thải sinh hoạt từ khu vực văn phòng:*
 - + Nước thải từ từ bể xí, bồn tiểu theo đường ống thu gom PVC D114mm chảy về bể tự hoại sau đó theo đường ống PVC D114mm chảy về hố ga thu gom.
 - + Nước thải sinh hoạt khác bao gồm: nước tắm, nước rửa tay, nước giặt giũ theo đường ống thu gom PVD D140/168mm chảy về hố ga thu gom.
 - *Nước thải từ nhà bếp – căn tin:* chảy về bể tách mỡ → về hố ga thu gom và hợp nhất với dòng nước thải sinh hoạt theo đường ống PVC D168 chảy về hệ thống xử lý nước thải.

❖ **Nước thải sản xuất:**

- *Nước thải từ quá trình vệ sinh nhà xưởng, khay và rổ đựng nguyên liệu:* Nước thải được thu gom bằng mương thoát B300 được bố trí xung quanh xưởng. Chảy về các hố ga thu gom → theo đường ống PVC D220 → hố ga → theo đường ống PVC D220 → hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- *Nước thải từ quá trình rửa trái cây:* Nước thải chảy theo mương thoát B300 → hố ga thu gom → theo đường ống PVC D220 → hố ga → theo đường ống PVC D220 → hệ thống xử lý nước thải tập trung
- *Nước thải từ khu vực giặt, sấy trang phục bảo hộ lao động:* Chảy về hố ga thu gom → theo đường ống PVC D220 → hố ga → theo đường ống PVC D220 → hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- *Nước thải từ quá trình làm rửa lọc của hệ thống xử lý nước cấp:* Chảy về hố ga thu gom → theo đường ống PVC D220 → hố ga → theo đường ống PVC D220 → hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- *Nước thải từ quá trình vệ sinh sàn kho hoá chất, kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, thông thường:* theo đường ống PVC D220 chảy về hố ga → theo đường ống PVC D220 → hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- *Nước thải từ quá trình vệ sinh sàn phòng máy nén lạnh và phòng đặt máy phát điện:* Nước thải chảy theo mương thoát B300 → Bể tách dầu mỡ → hố ga thu gom → theo đường ống PVC D220 → hố ga → theo đường ống PVC D220 → hệ thống xử lý nước thải tập trung.

b. Công trình – vị trí xả nước thải của dự án:

- Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải được chảy ra nguồn tiếp nhận qua ống HDPE D90 dài khoảng 600m về Suối Ea Kua (phía Tây Bắc dự án).
- Toạ độ vị trí nguồn tiếp nhận: (Theo hệ tọa độ VN200, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X= 465468, Y=1416355.

Bảng 3. 2. Hạng mục công trình thuộc hệ thống đường ống thu gom, thoát nước thải

STT	Hạng mục	Quy cách	Khối lượng	Ghi chú
-----	----------	----------	------------	---------

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

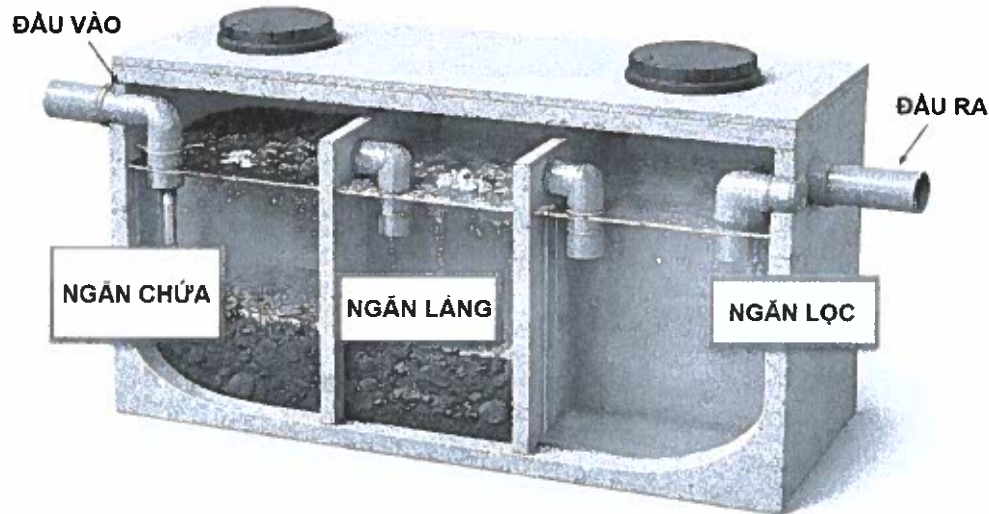
1	Hố ga thu gom nước thải	L x B = 1,3x1,3m H=cos ống dẫn +0,3m	34 hố	BTCT
2	Mương thoát B300	Rộng: 300mm	L= 140m	BT + nắp inox đục lỗ

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn – Xuất nhập khẩu Chánh Thu)

1.3. Công trình, biện pháp xử lý nước thải

1.3.1. Bể tự hoại

a. Quy trình công nghệ



Hình 3.3. Chi tiết bể tự hoại

↓ Thuyết minh công nghệ:

Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải.

Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa, làm nguồn dinh dưỡng cho sự phát triển của chúng.

Ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải, nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt các hạt của lớp vật liệu lọc và ngăn cản lơ lửng trôi ra theo nước và được thấm qua vật liệu lọc (cát, sỏi).

Thời gian lưu của bể tự hoại khoảng 5 ngày. Thời gian phân hủy cặn, chất ô nhiễm là 3 ngày, thời gian lưu bùn khoảng 6 tháng, định kỳ sẽ được hút và xử lý theo quy định. Khi ra khỏi bể COD của nước thải giảm từ 25 - 50%.

Sau khi qua xử lý bằng bể tự hoại nước thải được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục được xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường.

b. Số lượng, vị trí và thông số kỹ thuật

Bảng 3. 3. Thông số kỹ thuật và vị trí bể tự hoại

STT	Tên bể	Số lượng	Thể tích	Kết cấu	Vị trí
-----	--------	----------	----------	---------	--------

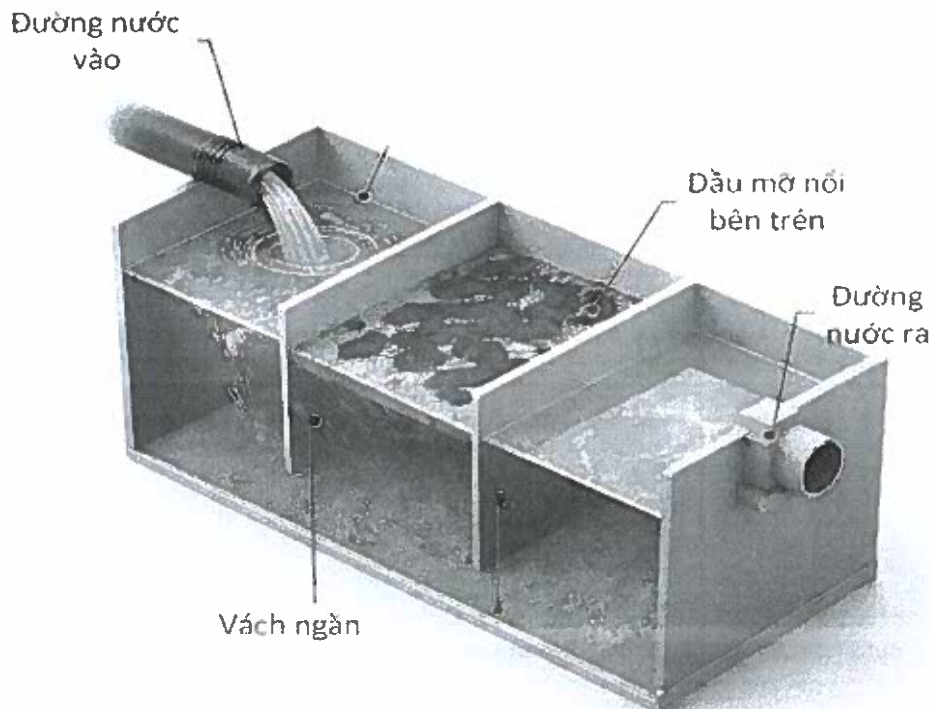
**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"**

1	Bể tự hoại	04	19,5 m ³	Bể được xây dựng bằng gạch, trát thành bể bằng vữa xi măng cát, M75, đáy và sàn BTCT M200	- Khu nhà xưởng (02 bể) - Nhà ăn, nhà cư trú (02 bể)
2	Bể tự hoại	02	13,6 m ³	Bể được xây dựng bằng gạch, trát thành bể bằng vữa xi măng cát, M75, đáy và sàn BTCT M200	- Khu văn phòng (02 bể)

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn – Xuất nhập khẩu Chánh Thu)

1.3.2. Bể tách mỡ

a. Quy trình công nghệ



Hình 3.4. Chi tiết bể tách mỡ

✦ Thuyết minh công nghệ:

Bể tách mỡ sẽ giữ lại các chất béo và dầu mỡ trong nước thải bằng cách sử dụng nguyên lý trọng lực. Các chất này được tách khỏi nước thải và giữ lại tại đáy bể để không ảnh hưởng đến hệ thống xử lý nước thải và môi trường tự nhiên. Quá trình hoạt động của bể tách mỡ ba ngăn được thực hiện qua các giai đoạn sau:

- Giai đoạn 1: Lọc bỏ rác và mỡ thừa

Sau khi sử dụng, nước thải có lẫn dầu mỡ thừa được xả ra đường nước vào bể tách dầu mỡ và được chứa trong rô lọc. Trong bể, nước thải di chuyển chậm, giúp các chất bẩn nặng hơn như mỡ, dầu mỡ rơi xuống đáy bể.

- Giai đoạn 2: Tách mỡ, bẫy mỡ

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

Quá trình tẩy dầu mỡ sẽ diễn ra trong ngăn tách mỡ. Chất béo và dầu mỡ bị giữ lại ở đáy bể do trọng lực, tạo thành một lớp dày và được gọi là phần cặn. Tại đây, vách ngăn được thiết kế để hướng dòng nước đi nhằm tách dầu mỡ và nước ra khỏi nhau thành 2 phần riêng biệt.

- Giai đoạn 3: Thu gom mỡ thừa

Dầu mỡ sẽ được chứa trong thiết bị tách dầu. Tại đây, việc thu mỡ có thể được thực hiện dễ dàng. Quá trình thu thập mỡ tích tụ nên được thực hiện thường xuyên.

- Sau khi qua xử lý bằng bể tách mỡ nước thải được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục được xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường.

b. Số lượng, vị trí và thông số kỹ thuật

Bảng 3. 4. Thông số kỹ thuật và vị trí bể tách mỡ

STT	Tên bể	Số lượng	Thể tích	Kết cấu	Vị trí
1	Bể tách mỡ	01	2,7 m ³	Bể được xây dựng bằng gạch, trát thành bể bằng vữa xi măng cát, M75, đáy và sàn BTCT M200 LxBxH = 2,5 x 1,5 x 0,9 m	- Nhà bếp – căn tin (01 bể)

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn – Xuất nhập khẩu Chánh Thu)

1.3.3. Bể tách dầu thải:



Hình 3.5. Chi tiết bể tách dầu

↓ Thuyết minh công nghệ:

Bể tách dầu được thiết kế nhằm tách, thu gom dầu và các chất nhẹ nổi có trong nước thải phát sinh từ các khu vực có sự rò rỉ dầu là khu vực máy phát điện, máy nén lạnh.

Bể tách dầu hoạt động dựa trên nguyên lý chênh lệch khối lượng riêng giữa dầu và nước:

Dầu mỡ có khối lượng riêng nhỏ hơn nước sẽ nổi lên bề mặt;

Cặn nặng, cát và chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể;

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
“Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk”*

Nước sau tách được thu ở lớp giữa và dẫn ra ngoài.

Quá trình tách diễn ra liên tục, không sử dụng hóa chất, đảm bảo vận hành ổn định và thân thiện môi trường.

Nước thải sau khi qua bể tách dầu theo đường ống thu gom chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Dầu thải được thu gom và chuyển giao là chất thải nguy hại

Bảng 3. 5. Thông số kỹ thuật và vị trí bể tách dầu

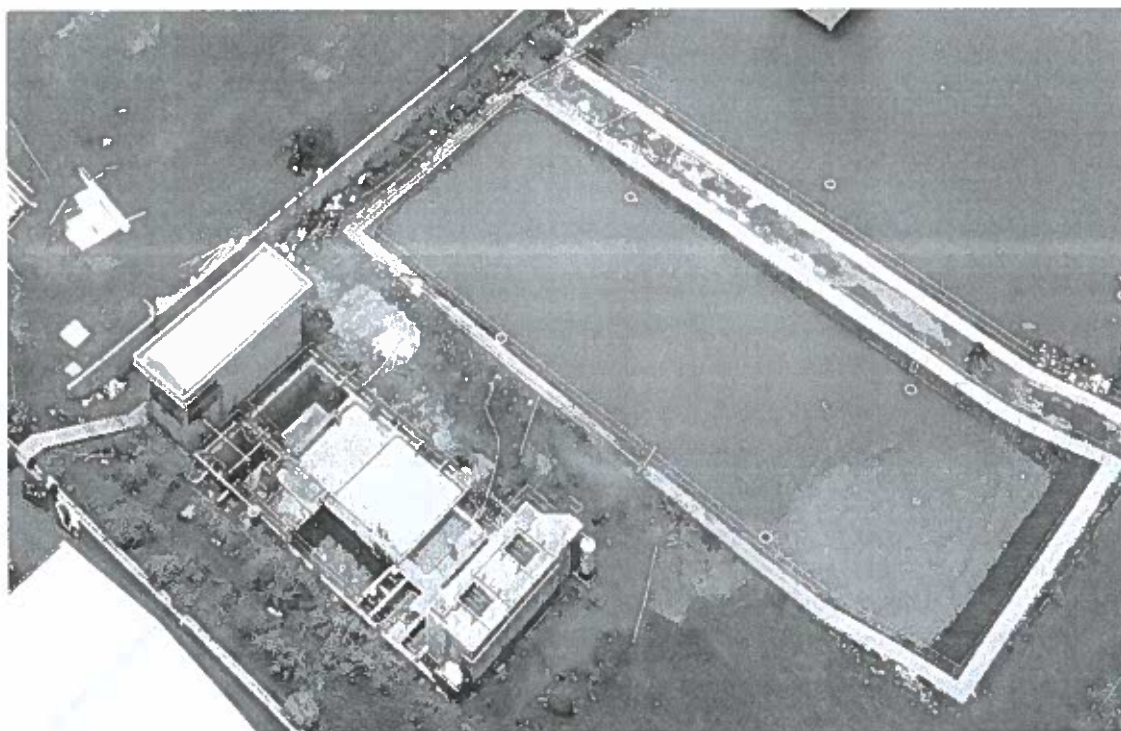
STT	Tên bể	Số lượng	Thể tích	Kết cấu	Vị trí
1	Bể tách dầu mỡ	01	0,24 m ³	Inox 304 LxBxH = 0,6x0,5x0,8m	- Khu vực máy phát điện và khu vực máy nén lạnh (01 bể)

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn – Xuất nhập khẩu Chánh Thu)

1.3.4. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất 250m³/ngày đêm. Hệ thống đảm bảo tiếp nhận và xử lý được lượng nước thải của dự án và nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.

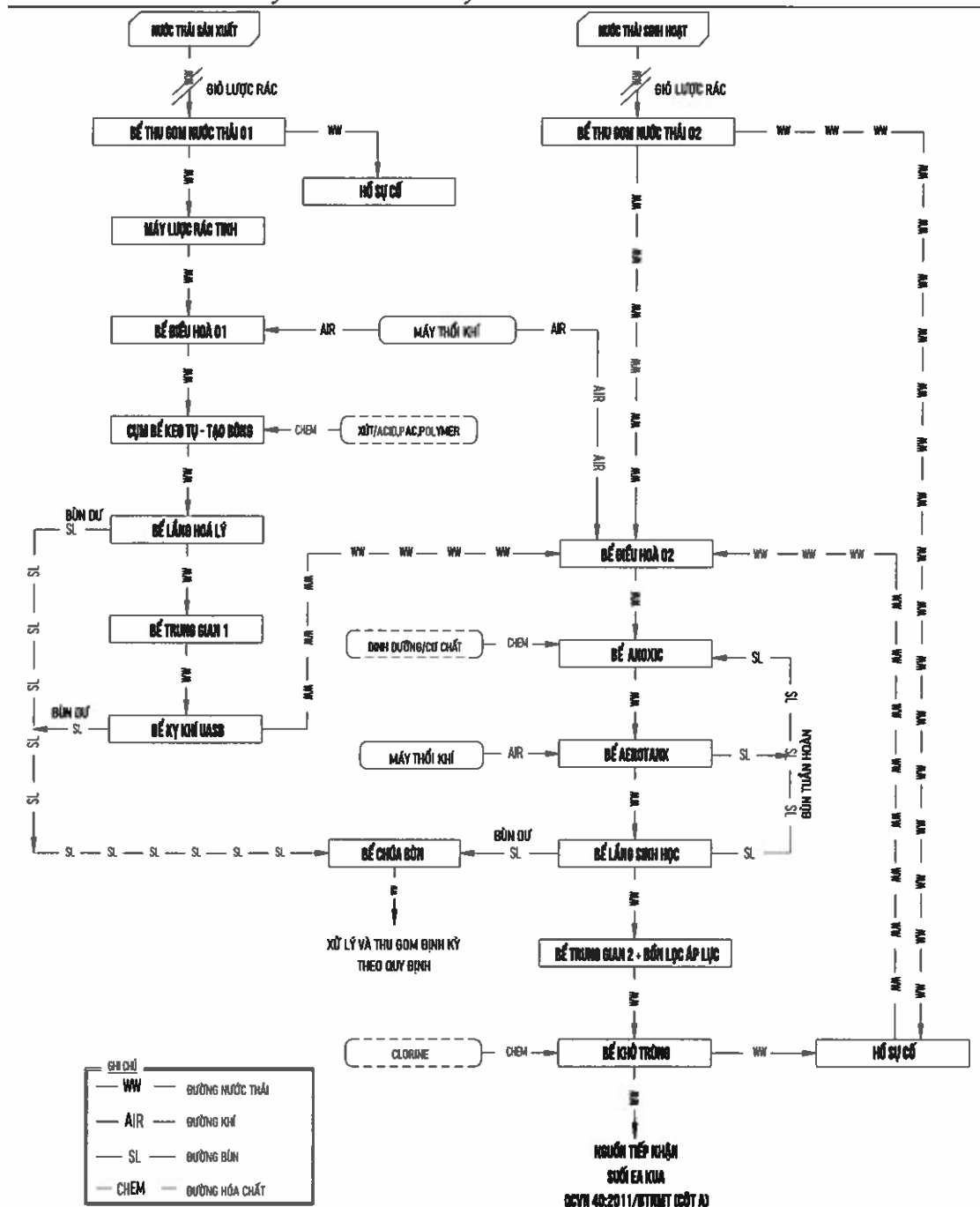
Đơn vị thiết kế thi công: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Asgreen



Hình 3.6. Hệ thống xử lý nước thải của dự án

a. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"**



Hình 3.7. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải

Thuyết minh công nghệ:

❖ Nước thải sản xuất:

Bể thu gom nước thải sản xuất T101: Dòng nước thải sản xuất được thu gom và chảy về Bể thu gom nước thải số 01. Tại đây, có đặt giỏ lọc rác để giữ lại các chất thải rắn có kích thước lớn trong nước thải trước khi vào hệ thống để tránh các sự cố về máy bơm và tắc đường ống dẫn nước, các chất thải rắn được giữ lại tại giỏ chắn rác sẽ được định kỳ xử lý đúng theo quy định.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

Do tính chất của nước thải sản xuất nên nước thải trước khi bơm vào bể điều hoà 01 được chảy vào Máy lược rác tinh để tách triệt để lượng rác tinh trong nước thải. Toàn bộ lượng rác thải này được thu gom và xử lý theo chất thải rắn thông thường.

Bể điều hoà nước thải sản xuất T102: Bể điều hoà có tác dụng điều hoà lưu lượng và nồng độ chất ô nhiễm có trong nước thải. Do lưu lượng và tính chất của nước thải thay đổi theo thời gian sản xuất của nhà máy trong quá trình sản xuất, việc điều hoà nước thải là cần thiết. Điều này tránh gây sốc tải đối với vi sinh vật (thậm chí có thể gây tình trạng vi sinh chết hàng loạt) trong các bể sinh học cũng như giảm bớt các sự cố về vận hành hệ thống.

Bên cạnh đó, việc ổn định lưu lượng, nồng độ, nhiệt độ nước thải trước khi vào các thiết bị xử lý còn giúp đơn giản hóa công nghệ, tăng hiệu quả xử lý và giảm kích thước các công trình đơn vị một cách đáng kể. Ngoài ra, quá trình cấp khí trong bể điều hoà giúp khử Clo trong nước phát sinh từ quá trình tẩy rửa và hạn chế việc lắng cặn dưới đáy bể, ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống.

Cụm bể keo tụ - tạo bông: Nước thải sản xuất được bơm vào bể keo tụ - tạo bông. Tại đây, nước thải được châm hóa chất NaOH và khuấy trộn đều vào nước thải bằng hệ thống bơm định lượng và motor khuấy trộn. Quá trình keo tụ được thực hiện bằng cách trộn hóa chất keo tụ vào nước thải nhằm kích thích sự mất ổn định của các phân tử phân tán thể keo, làm cho chúng kết lại thành các hạt lớn hơn. Việc trộn chất keo tụ vào nước thải không chỉ giúp cho quá trình keo tụ mà còn giúp cho việc kết tủa các chất hòa tan, ví dụ như photphat có trong nước thải. Ngoài ra, quá trình keo tụ cũng giúp việc loại bỏ các chất rắn có kích thước lớn hơn các chất dạng keo nhờ quá trình "kết dính" các chất này vào bông cặn trong khi xảy ra quá trình keo tụ.

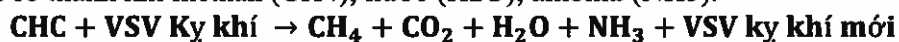
Tại đây, nước thải được châm hóa chất PAC, Polymer A và khuấy trộn đều vào nước thải bằng hệ thống bơm định lượng và motor khuấy trộn. Dưới tác dụng của PAC, các chất lơ lửng trong nước được keo tụ thành các bông cặn. Polymer Anion được thêm vào nhằm hỗ trợ quá trình tạo bông, giúp hình thành các loại bông cặn lớn hơn, giúp cho quá trình tách bông cặn ở công trình phía sau đạt hiệu quả cao.

Bể lắng hóa lý: Tiếp theo quá trình xử lý, nước thải được đưa vào Cụm bể keo tụ - tạo bông hóa chất PAC và Polyme Anion đồng thời sẽ được bơm định lượng đưa liên tục vào bể, một phần các chất bẩn và cặn lơ lửng ảnh hưởng đến quá trình xử lý sinh học sẽ được keo tụ tạo thành các hạt bông cặn có kích thước lớn và được dẫn xuống bể Bể lắng hóa lý. Tại đây quá trình lắng tách pha sẽ diễn ra, phần bùn lắng xuống đáy bể sẽ được dẫn về Bể chứa bùn nhằm làm giảm độ ẩm của bùn thải trước khi được đưa đi xử lý theo quy định. Phần nước trong của nước thải sản xuất tại bể lắng được dẫn sang Bể sinh học thiếu khí Anoxic để xử lý chung với nước thải sinh hoạt.

Bể trung gian 1: Nước thải sau khi đi qua Bể lắng hóa lý sẽ được kiểm soát pH tại cụm Bể trung gian 1 bằng xút hoặc acid kiểm soát pH phù hợp cho sự phát triển vi sinh trước khi nước thải được nạp vào Bể kỵ khí UASB.

Bể kỵ khí UASB:

Tại đây, nước thải được phân phối từ dưới lên, qua lớp bùn kỵ khí, tại đây sẽ diễn ra quá trình phân hủy chất hữu cơ bởi các vi sinh vật. Bể này thích hợp để xử lý nước thải có nồng độ COD cao và biến động (Metcalf & Eddy, 1995 & 2003). Bùn hoạt tính (vi sinh vật – vi khuẩn) kỵ khí được xáo trộn đều với nước thải và chuyển hóa ở tốc độ cao nhất các chất hữu cơ thành khí methane (CH₄), nước (H₂O), amonia (NH₃).



Phần nước trong sau bể kỵ khí UASB được chảy trọng lực qua bể điều hoà nước thải sinh hoạt T202.

❖ **Nước thải sinh hoạt:**

Bể thu gom nước thải sinh hoạt T201: Nước thải từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên trong nhà máy sau khi qua bể tự hoại sẽ được thu gom bằng đường ống thu gom tập trung và dẫn về Bể thu gom nước thải sinh hoạt. Sau đó được bơm đến Bể điều hoà nước thải sinh hoạt.

Đồng thời tại Bể thu gom cũng được bố trí giỏ tách rác thô để chặn các cặn rác có kích thước lớn hơn 10mm giúp tránh tình trạng nghẹt bơm cũng như tăng tuổi thọ cho bơm và các thiết bị phía sau.

Bể điều hoà nước thải sinh hoạt T202: Bể điều hoà có tác dụng điều hoà lưu lượng và nồng độ chất ô nhiễm có trong nước thải. Do lưu lượng và tính chất của nước thải thay đổi theo thời gian sản xuất của nhà máy trong quá trình sản xuất, việc điều hoà nước thải là cần thiết. Điều này tránh gây sốc tải đối với vi sinh vật (thậm chí có thể gây tình trạng vi sinh chết hàng loạt) trong các bể sinh học cũng như giảm bớt các sự cố về vận hành hệ thống.

Bên cạnh đó, việc ổn định lưu lượng, nồng độ, nhiệt độ nước thải trước khi vào các thiết bị xử lý còn giúp đơn giản hóa công nghệ, tăng hiệu quả xử lý và giảm kích thước các công trình đơn vị một cách đáng kể. Ngoài ra, quá trình cấp khí trong bể điều hoà giúp khử Clo trong nước phát sinh từ quá trình tẩy rửa và hạn chế việc lắng cặn dưới đáy bể, ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống.

Từ bể điều hoà, nước thải sinh hoạt được bơm với lưu lượng trung bình để cụm bể xử lý sinh học.

Bể thiếu khí Anoxic: Nước thải sau khi được ổn định tại bể điều hoà 02 được đưa sang bể sinh học thiếu khí – Anoxic để tiếp tục thực hiện quá trình xử lý. Trong bể này, các máy khuấy trộn chìm được lắp đặt để khuấy trộn nước thải, tạo môi trường thiếu khí cho vi sinh hoạt động thuận lợi.

Quá trình phân hủy các chất hữu cơ trong điều kiện thiếu khí do một quần thể vi sinh vật hoạt động không cần rất ít sự có mặt của oxi không khí, sản phẩm cuối cùng là một hỗn hợp khí có CO₂, N₂, H₂, ... Tại đây xảy ra quá trình khử nitrat trong nước thải được tuần hoàn về từ Bể Aerotank và Bể lắng sinh học. Do đặc tính nước thải có chứa 1 lượng Nito nên quá trình khử Nito là cần thiết cho quy trình xử lý. Tại đây, trong điều kiện thiếu khí hệ vi sinh vật thiếu khí phát triển xử lý N và P thông qua quá trình khử Nitrat và Photphoril.

- **Quá trình khử Nitrat xảy ra như sau:**

+ Giai đoạn 1: Amonia được chuyển hóa thành Nitrit, sau đó tiếp tục oxi hóa thành Nitrat trong điều kiện hiếu khí (quá trình Nitrat hóa). Phản ứng oxi hóa tổng cộng có thể được mô tả theo phương trình sau:



+ Giai đoạn 2: Nitrat bị khử thành Nito tự do trong điều kiện thiếu oxi hòa tan (quá trình khử Nitrat), phản ứng có thể được biểu diễn theo phương trình:



+ Nitrat bị khử thành nito tự do bay vào khí quyển (quá trình đề nitrat hóa - denitrification), đồng thời bể thiếu khí còn đóng vai trò là một hệ chọn lọc vi sinh (selector) để chống lại hiện tượng bùn nổi (bulking) do vi khuẩn dạng sợi gây ra.

- **Quá trình Photphorit hóa:**

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

Chủng loại vi khuẩn tham gia vào quá trình này là Acinetobacter. Các hợp chất hữu cơ chứa photpho sẽ được hệ vi khuẩn Acinetobacter chuyển hóa thành các hợp chất mới không chứa photpho và các hợp chất có chứa photpho nhưng dễ phân hủy đối với chủng loại vi khuẩn hiếu khí.

Bể hiếu khí Aerotank: Trong điều kiện thổi khí liên tục, quần thể vi sinh vật hiếu khí tồn tại ở trạng thái lơ lửng (bùn hoạt tính) sẽ phân hủy các hợp chất hữu cơ có trong nước thải thành các hợp chất vô cơ đơn giản như CO₂ và H₂O theo 3 giai đoạn:

Oxy hóa các chất hữu cơ:



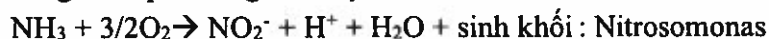
Tổng hợp tế bào mới:



Phân hủy nội bào:



Theo các giai đoạn trên, vi sinh vật hiếu khí không chỉ oxy hóa các chất hữu cơ trong nước thải tạo thành những hợp chất vô cơ đơn giản mà còn tổng hợp phospho và nitơ nhằm tổng hợp, duy trì tế bào và vận chuyển năng lượng cho quá trình trao đổi chất của chúng. Đây là giai đoạn mang tính ưu tiên hơn so với giai đoạn nitrate hóa của nhóm vi sinh vật Nitrosomonas và Nitrobacter. Do vậy giai đoạn xử lý các chất hữu cơ sẽ được ưu tiên xảy ra trước bởi nhóm vi sinh vật dị dưỡng. Tuy nhiên lượng chất hữu cơ không phải được xử lý triệt để mà còn một lượng dư cho nhóm vi sinh nitrate hóa sử dụng để nitrate hóa. Dưới tác dụng chủ đạo của Nitrosomonas và Nitrobacter, quá trình nitrate hóa xảy ra theo các phương trình phản ứng sau đây:



Bể lắng sinh học: Nước sau bể Aerotank có lẫn bùn hoạt tính được dẫn sang ống phân phối trung tâm của bể lắng sinh học. Tại đây bùn hoạt tính và nước được phân ly nhờ quá trình lắng trọng lực.

Bùn lắng xuống đáy bể, được hệ thống gạt bùn thu gom về hố thu trung tâm và được bơm tuần hoàn 1 phần về Bể sinh học thiếu khí Anoxic để bổ sung lượng vi sinh vật thiếu hụt. Bùn dư được bơm về bể chứa bùn.

Phần nước trong phía trên của bể lắng được thu gom qua hệ thống máng răng cưa và dẫn sang Bể trung gian 2.

Bể trung gian 2 + Bồn lọc áp lực: Nước thải sau quá trình lắng bùn sinh học, phần nước thải sau khi xử lý sinh học sẽ được tự chảy sang Bể trung gian 2. Tại Bể trung gian 2 sẽ có 02 bơm lọc áp lực, hút nước tại Bể trung gian 2 dẫn qua Bồn lọc áp lực.

Tại bồn lọc áp lực, nước thải sẽ đi qua lớp cát lọc và sỏi lọc, nhằm mục đích giữ lại cặn lơ lửng trong nước thải lại. Nhằm đảm bảo các chỉ tiêu ô nhiễm trong nước thải thông qua cặn lơ lửng được giữ lại.

Sau thời gian lọc, nếu áp lực trong bồn vượt quá 1 bar, hệ thống lọc sẽ được tự động rửa ngược. Hàm lượng cặn sẽ được rửa sạch khỏi Bồn lọc và dẫn đến Bể Điều Hòa để xử lý lại nước thải 01 lần nữa.

Sau khi qua Bồn lọc áp lực, nước thải sẽ được dẫn đến Bể khử trùng.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

Bể khử trùng: Nước thải từ bể lắng sinh học được dẫn vào bể khử trùng. Tại bể khử trùng, nước được khử trùng bằng NaOCl nhằm tiêu diệt hết những vi sinh vật gây bệnh có trong nước thải và đạt yêu cầu xả thải về Coliform.

Bể khử trùng được thiết kế với nhiều tấm hướng dòng nhằm tăng thời gian tiếp xúc của hóa chất với nước thải, từ đó tăng hiệu quả khử trùng, đảm bảo nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

Sau khi xử lý nước thải đã đạt yêu cầu xả thải đạt *QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải Công Nghiệp, Cột A*.

Bể chứa bùn: Quá trình hoá lý và quá trình xử lý sinh học sẽ làm gia tăng liên tục lượng bùn trong hệ thống. Bùn hoá lý là phân bùn cần giảm độ ẩm để tiến hành xử lý theo quy định về chất thải rắn; Đồng thời lượng bùn ban đầu sau thời gian sinh trưởng phát triển sẽ giảm khả năng xử lý chất ô nhiễm trong nước thải và chết đi và lắng xuống đáy bể. Lượng bùn này còn gọi là bùn dư và được đưa về bể chứa bùn. Nước sau quá trình tách nước ở bùn dư được đưa về điều hoà nước thải sinh hoạt T202 để xử lý.

Bùn dư từ bể chứa bùn khi dự án đi vào hoạt động sẽ thực hiện lắp bổ sung máy ép bùn theo giai đoạn và công suất hoạt động của nhà máy.

Hồ sự cố: Nếu nước thải chưa đạt quy chuẩn thì nước thải tại đây sẽ được dẫn sang Hồ sự cố để chứa và tái tuần hoàn lại Bể điều hòa nước thải sinh hoạt T202 để xử lý lại 01 lần nữa.

Ngoài ra, khi hệ thống gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động, nước thải từ 02 bể gom được đưa về lưu chứa tại hồ sự cố. Sau khi khắc phục được sự cố tại hệ thống nước thải được bơm về Bể điều hòa nước thải sinh hoạt T202 để xử lý trước khi xả nguồn tiếp nhận.

b. Hạng mục công trình và thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải

Bảng 3. 6. Bảng tổng hợp hạng mục hệ thống xử lý nước thải

STT	Hạng mục	Ký hiệu bể	Kích thước (m)			Thể tích (m ³)	SL	Vật liệu
			Dài	Rộng	Cao			
1	Bể thu gom nước thải sản xuất	T101	3	1,5	4	18	01	BTCT, chống thấm
2	Bể điều hoà nước thải sản xuất	T102	3	5	4	60	01	BTCT, chống thấm
3	Cụm bể keo tụ - tạo bông	T103-A/B	1,5	0,8	4	9,6	02	BTCT, chống thấm
4	Bể lắng hoá lý	T104	3	3	4	36	01	BTCT, chống thấm
5	Bể trung gian 1	T105	1,225	0,8	4	7,84	02	BTCT, chống thấm

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
“Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk”

6	Bể kỵ khí UASB	T106	7,25	2,5	6	108,75	01	BTCT, chống thấm
7	Bể thu gom nước thải sinh hoạt	T201	3	1,5	4	18	01	BTCT, chống thấm
8	Bể điều hoà nước thải sinh hoạt	T202	5,2	3,2	4	66,56	01	BTCT, chống thấm
9	Bể thiếu khí Anoxic	T203	5,2	3	4	62,4	01	BTCT, chống thấm
10	Bể hiếu khí Aerotank	T204	5,2	5	4	104	01	BTCT, chống thấm
11	Bể lắng sinh học	T205	2,9	2,9	3	25,23	01	BTCT, chống thấm
12	Bể trung gian 02	T206	1,9	1	4	7,6	01	BTCT, chống thấm
13	Bể khử trùng	T207	1,9	1	4	7,6	01	BTCT, chống thấm
14	Bể chứa bùn	T208	3	3	4	36	01	BTCT, chống thấm
15	Nhà điều hành	N01	8,9	3	2,5	-	01	BTCT+ Gạch+ Tole
16	Hồ sục cố		40	15	4	2400	01	Bạt HDPE + BTCT

(Nguồn: Thuyết minh thiết kế Hệ thống xử lý nước thải – Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Asgreen)

Bảng 3. 7. Bảng tổng hợp thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải

STT	Thiết bị và đặc tính kỹ thuật	ĐVT	S.L	Xuất xứ
I	Bể gom nước thải sản xuất			
1	Bơm chìm nước thải WP101.1/2 Model: EW 5.20 Công suất: 1.5kW, 3 pha/380V, 50Hz Cột áp tối đa: 10m H2O	Cái	02	Đài Loan

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

	Lưu lượng tối đa: 21 m3/h			
2	<i>Giỏ lọc rác BS01</i> Kích thước: Dài x Rộng x Cao = 600 x 600 x 600mm Kích thước khe lưới: 10mm Vật liệu: SUS304	Cái	01	Việt Nam
II	Bể điều hoà nước thải sản xuất			
1	<i>Bơm chìm nước thải WP102.1/2</i> Model: EW 5.10 Công suất: 0.75kW, 3 pha/380V, 50Hz Cột áp tối đa: 9m H2O Lưu lượng tối đa: 12 m3/h	Cái	02	Đài Loan
2	<i>Thiết bị lọc rác tĩnh BS02</i> Kiểu: lọc rác dạng tĩnh Lưu lượng tối đa: 15.0m3/h Kích thước khe lưới: 2mm Kích thước: theo thiết kế của nhà thầu đảm bảo lưu lượng tối đa Vật liệu: SUS304	Cái	01	Việt Nam
III	Cụm bể keo tụ - tạo bông			
1	<i>Máy khuấy keo tụ (AG103.1)</i> Model: GV40-1500W30S Kiểu lắp: Mặt bích Tỉ số truyền: 1/30~50v/p Đường kính trục cốt ra: 32 mm Công suất: 1.1kW, 380V, 50Hz Cánh khuấy được chế tạo bằng vật liệu inox SUS 304	Cái	01	Trung Quốc
2	<i>Máy khuấy tạo bông (AG103.2)</i> Model: GV40-1500W60S Kiểu lắp: Mặt bích Tỉ số truyền: 1/60~25v/p Đường kính trục cốt ra: 32 mm Công suất: 1.1kW, 380V, 50Hz Cánh khuấy được chế tạo bằng vật liệu inox SUS 304	Cái	01	Trung Quốc
IV	Bể lắng hoá lý			
1	<i>Ống trung tâm</i> Kích thước: D x H = 600 x 1500 mm Vật liệu: SUS304, dày 1 mm Bao gồm: pát, khe cố định ống lắng <i>Màng răng cưa</i>	Bộ	01	Việt Nam

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"**

	Vật liệu: SUS304, dày 1.2 mm			
2	<i>Bơm bùn hóa lý (SP104.1/2)</i> Model: EW 5.05 Kiểu bơm: dạng bơm chìm Lưu lượng tối đa: 9 m ³ /h Cột áp tối đa: 6m H ₂ O Thân inox, cánh gang Công suất: 0.4kW, 3 pha/380V, 50Hz	Cái	02	Đài Loan
V	Bể trung gian			
1	<i>Bơm nước thải (WP105.1/2)</i> Model: EW 5.20 Kiểu bơm: dạng bơm chìm Lưu lượng tối đa: 21 m ³ /h Cột áp tối đa: 10m H ₂ O Thân inox, cánh gang Công suất: 1.5kW, 3 pha/380V, 50Hz	Cái	02	Đài Loan
VI	Bể thu gom nước thải sinh hoạt			
1	<i>Bơm nước thải (WP201.1/2)</i> Model: EW 5.20 Kiểu bơm: dạng bơm chìm Lưu lượng tối đa: 21 m ³ /h Cột áp tối đa: 10m H ₂ O Thân inox, cánh gang Công suất: 1.5kW, 3 pha/380V, 50Hz Bao gồm: autocoupling, xích kéo, thanh trượt - Việt Nam	Cái	02	Đài Loan
2	<i>Giò lược rác (BS03)</i> Kiểu: Giò lược rác thô Kích thước: Dài x Rộng x Cao = 600 x 600 x 600mm Kích thước khe lưới: 10mm Vật liệu: SUS304	Cái	01	Việt Nam
VII	Bể thiếu khí Anoxic			
1	<i>Máy khuấy (MX203)</i> Model: EM-5.10 Vật liệu nắp, guồng: inox SUS304 Vật liệu cánh: inox SUS304 Vật liệu thân giữa : inox SUS304 Công suất: 0.75kW, 3pha / 380 V, 50Hz	Cái	01	Đài Loan
VIII	Bể hiếu khí Aerotank			
1	<i>Đĩa phân phối khí</i> Model: ECD270	Cái	42	Mỹ

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

	Loại : sục khí tĩnh Lưu lượng khí : 5m ³ /h			
2	<i>Máy thổi khí (AB01.1/2)</i> Model: LT-100 Lưu lượng khí: 6.26 m ³ /phút Cột áp: 5.0 m Công suất: 11.0kW Điện áp: 3 phases / 380V / 50 Hz	Cái	02	Đài Loan
3	<i>Bơm nước thải tuần hoàn (WP204.1/2)</i> Model: EW 5.10 Kiểu bơm: dạng bơm chìm Lưu lượng tối đa: 12 m ³ /h Cột áp tối đa: 9m H ₂ O Thân inox, cánh gang Công suất: 0.75kW, 3 pha/380V, 50Hz	Cái	02	Đài Loan
IX	Bể lắng sinh học			
1	<i>Ống trung tâm</i> Kích thước: D x H = 800 x 1500 mm Vật liệu: SUS304, dày 1 mm Bao gồm: pát, khe cố định ống lắng <i>Máng răng cưa</i> Vật liệu: SUS304, dày 1.2 mm	Bộ	1	Việt Nam
2	<i>Bơm bùn tuần hoàn (SP205.1/2)</i> Model: EW 5.10 Kiểu bơm: dạng bơm chìm Lưu lượng tối đa: 12 m ³ /h Cột áp tối đa: 9m H ₂ O Thân inox, cánh gang Công suất: 0.75kW, 3 pha/380V, 50Hz	Cái	02	Đài Loan
3	<i>Dàn gạt bùn</i> Model : MNHL40/3 + MIL50FP Tốc độ vòng ra : 0.14 rpm Moment xoắn max : 759 Nm Công suất: 0.37kW, 3 pha/380V, 50Hz Dàn gạt bùn - Vật liệu : SUS304 - Việt Nam	Hệ	01	Italia
X	Bể trung gian 02			
1	<i>Bơm nước thải (WP206.1/2)</i> Model: SW-320T Kiểu bơm: dạng bơm trục ngang Lưu lượng: 30 m ³ /h Cột áp : 18m H ₂ O	Cái	02	Đài Loan

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"**

	Thân gang, cánh và guồng inox Công suất: 2.2kW, 3 pha/380V, 50Hz			
2	Bồn lọc áp lực (GS) Model : 3072 Vật liệu bồn lọc: composite Kích thước: Đường kính x Chiều Cao = 750mm x 1500mm Vật liệu lọc : cát lọc, sỏi lọc - Việt Nam	Bộ	01	Trung Quốc
XI	Bể khử trùng			
1	Đồng hồ đo lưu lượng nước thải sau xử lý (FM207) Kiểu : đồng hồ cơ Vật liệu: Thân gang Kết nối : mặt bích PN16 Kích thước kết nối ống: DN80	Cái	01	Đài Loan
2	Bơm nước thải (WP207.1/2) Model: EW 5.20 Kiểu bơm: dạng bơm chìm Lưu lượng tối đa: 21 m3/h Cột áp tối đa: 10m H2O Thân inox, cánh gang Công suất: 1.5kW, 3 pha/380V, 50Hz	Cái	02	Đài Loan
XII	Hệ thống hoá chất			
1	Bơm định lượng NaOH, PAC, Javen Model: C-6250P Lưu lượng: Q = 50L/h Áp suất: 7m Điện áp: 0.045kW, 1pha/220V, 50Hz	Cái	04	Mỹ
2	Bơm định lượng Polymer Model: C-6250HV Lưu lượng: Q = 100L/h Áp suất: 3.5m	Cái	02	Mỹ
3	Bồn pha hóa chất V = 1.0 m3 Dạng đứng Vật liệu: PE	Cái	04	Việt Nam

(Nguồn: Thuyết minh thiết kế Hệ thống xử lý nước thải – Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Asgreen)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
“Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chanh Thu Đắk Lắk”

Bảng 3. 8. Bảng tổng hợp hiệu suất xử lý hệ thống xử lý nước thải

Hạng mục	BOD		COD		TSS		Tổng Nito		Tổng Photpho		Coliform	
	%	mg/l	%	mg/l	%	mg/l	%	mg/l	%	mg/l	%	MPN
Tuyến 1: Nguồn 04, 05, 06		2.500		5.000		2000		15		6	-	5000
Bể thu gom + điều hòa 01	5%	2375	5%	4750	25%	1500	5%	14	5%	6	0%	5.000
Cụm bể keo tụ - tạo bông	10%	2138	10%	4275	90%	150	10%	13	10%	5	0%	5.000
Lắng hoá lý	0%	2138	0%	4275	0%	150	0%	13	0%	5	0%	5.000
Bể trung gian 01	10%	1924	10%	3848	0%	150	10%	12	10%	5	0%	5.000
Bể kỵ khí	65%	673	90%	385	5%	143	65%	4	65%	2	0%	5.000
Tuyến 2: Nguồn 01, 02, 03 (xử lý hoàn chỉnh)		973		385		443	0%	59		17	-	
Bể thu gom + điều hòa 02	5%	925	5%	366	5%	420	5%	56	0%	17	0%	30.000
Bể thiếu khí (Anoxic)	85%	139	75%	91	6%	395	80%	11	5%	16	0%	30.000
Bể hiếu khí Aerotank	85%	21	75%	23	6%	371	6%	11	3%	15	0%	30.000

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
“Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chanh Thu Đắk Lắk”**

Bể lắng sinh học	5%	20	5%	22	15%	316	2%	10	0%	15	0%	30.000
Trung gian 02 + Cột lọc áp lực	12%	17	0%	22	90%	32	25%	8	90%	2	0%	30.000
Bể khử trùng	0%	17	0%	22	0%	32	0%	8	0%	2	99,99%	3
QCVN 40:2011/BTNMT - Cột A		29,7		74,25		-		19,8		3,96		3000

(Nguồn: Thuyết minh thiết kế Hệ thống xử lý nước thải – Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Asgreen)

Nhận xét:

- Hệ thống xử lý nước thải được thiết kế phù hợp với tính chất và tải lượng ô nhiễm;
- Việc bổ sung bể kỵ khí UASB làm tăng hiệu suất xử lý nồng độ COD, BOD đặc trưng của nước thải của dự án. Thực hiện tách dòng thải giúp hệ thống xử lý nước thải hiệu quả hơn, làm giảm hiện tượng cục bộ dẫn đến sự cố tại hệ thống XLNT do nồng độ cao. Các công trình đơn vị phối hợp hiệu quả, đặc biệt là xử lý sinh học kết hợp hóa lý;
- Tất cả các thông số ô nhiễm đầu ra đều đạt và thấp hơn giới hạn QCVN 40:2011/BTNMT – Cột A; Đảm bảo điều kiện xả thải ra nguồn tiếp nhận theo quy định.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Các nguồn phát sinh bụi, khí thải của dự án:

Trong quá trình hoạt động sản xuất, các nguồn phát sinh bụi, khí thải chủ yếu từ các hoạt động sau:

- Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông
- Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện
- Mùi hôi phát sinh từ quá trình sản xuất
- Mùi hôi phát sinh từ quá trình lưu giữ chất thải rắn
- Mùi, khí thải phát sinh từ quá trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải

2.2. Biện pháp giảm thiểu, xử lý bụi, khí thải của dự án:

Để giảm thiểu và xử lý các nguồn gây ảnh hưởng ở trên đến công nhân hoạt động tại cơ sở và môi trường không khí xung quanh nên chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

a. Giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động các phương tiện giao thông:

- Nhà xưởng sản xuất được thiết kế thông thoáng, đảm bảo khả năng thông gió tự nhiên, riêng đối với khu vực sản xuất được quét dọn, vệ sinh sạch sẽ theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp và lắp đặt các quạt thông gió để đảm bảo lưu thông không khí, hạn chế phát sinh mùi.
- Bố trí thời gian vận chuyển, xuất nhập kho của các phương tiện hợp lý để giảm thiểu tác động của khí thải.
- Sử dụng các phương tiện vận tải có chỉ số kỹ thuật đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.
- Đối với các phương tiện vận chuyển tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng tải trọng để giảm thiểu các khí độc hại phát sinh từ các phương tiện này.
- Bê tông hóa sân đường nội bộ Nhà máy.
- Bố trí công nhân thường xuyên quét dọn khu vực sân đường nội bộ để tránh bụi cuốn theo gió nhằm hạn chế ảnh hưởng đến các khu vực làm việc khác.
- Trồng cây xanh xung quanh nhà máy để điều hòa vi khí hậu trong khu vực cũng như tạo cảnh quan.

b. Giảm thiểu bụi, khí thải từ máy phát điện:

- Máy phát điện hoạt động không thường xuyên, chỉ phòng khi có sự cố mất điện, hơn nữa khu vực dự án thông thoáng, diện tích mặt bằng rộng nên tác động của khí thải do máy phát điện thải ra không ảnh hưởng đến môi trường không khí chỉ mang tính tức thời và không đáng kể.
- Bảo dưỡng các máy phát điện định kỳ. Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.
- Máy phát điện được bố trí đặt trong nhà đặt máy phát điện nhằm giảm ảnh hưởng tiếng ồn tới công nhân làm việc.
- Máy phát điện đặt trên bệ bê tông chắc chắn, giữa có chèn lớp cao su đàn hồi nhằm giảm thiểu độ rung lan truyền, đồng thời đảm bảo máy phát điện hoạt động được lâu dài.
- Toạ độ vị trí ống khói máy phát điện (Theo hệ tọa độ VN200, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3⁰): X=465843, Y=1416144.

c. Mùi hôi phát sinh trong quá trình sản xuất:

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

Trong quá trình sản xuất, mùi hôi chủ yếu phát sinh tại các công đoạn tiếp nhận, sơ chế, bóc tách nguyên liệu (đặc biệt là sầu riêng) và khu vực lưu giữ phụ phẩm hữu cơ. Chủ cơ sở áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Bố trí nhà xưởng sản xuất khép kín; các khu vực sơ chế, bóc tách sầu riêng được bố trí riêng biệt, hạn chế phát tán mùi.
- Lắp đặt hệ thống thông gió và hút khí cục bộ tại các khu vực phát sinh mùi; khí thải có mùi được thu gom và xử lý trước khi thải ra môi trường.
- Nguyên liệu và phụ phẩm hữu cơ được thu gom kịp thời, lưu giữ trong thùng kín và chuyển giao xử lý hằng ngày; không để tồn lưu gây phân hủy phát sinh mùi.
- Thực hiện vệ sinh nhà xưởng, thiết bị sau mỗi ca sản xuất; sử dụng chế phẩm sinh học (trộn chế phẩm sinh học EM, Trichoderma, RVAC,...) để khử mùi tại khu vực sản xuất và thu gom phụ phẩm.
- Quản lý nước thải sản xuất, không để ứ đọng gây phát sinh mùi.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân
- Trồng và duy trì cây xanh trong khuôn viên nhà máy nhằm hạn chế lan truyền mùi ra khu vực xung quanh.

Việc áp dụng các biện pháp nêu trên bảo đảm mùi hôi phát sinh trong quá trình sản xuất được kiểm soát, không gây ảnh hưởng đến môi trường và khu vực lân cận

d. Mùi hôi phát sinh từ quá trình lưu giữ chất thải rắn:

- Phụ phẩm phát sinh tại nhà máy 45 tấn/ngày được thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy với dung tích 660 lít, để hạn chế tối đa phát sinh mùi hôi chất thải này được tập kết tại khu vực nghiền, đóng bao diện tích 1.000m² để nghiền, ép, xử lý sơ bộ (trộn chế phẩm sinh học EM, Trichoderma, RVAC,...), đóng bao, vận chuyển đến các khu vườn cây của Công ty tại Đắk Lắk, Bình Phước, Tiền Giang,... tiếp tục quá trình ủ làm phân bón, sử dụng để bón cho các vườn cây của Công ty, tần suất vận chuyển 02 ngày/lần.
 - Khu vực tập kết, nghiền và đóng bao phụ phẩm được bố trí có mái che, nền bê tông, thường xuyên vệ sinh, phun chế phẩm khử mùi sinh học; không để phụ phẩm tồn lưu kéo dài gây phát sinh mùi hôi.
 - Nước rỉ phát sinh trong quá trình lưu giữ và xử lý sơ bộ phụ phẩm được thu gom, không để ứ đọng, dẫn về hệ thống thu gom và xử lý nước thải của cơ sở nhằm hạn chế phát sinh mùi.
 - Bố trí cây xanh cách ly xung quanh khu vực lưu giữ và xử lý phụ phẩm; thực hiện kiểm soát, giám sát mùi định kỳ, bảo đảm không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
 - Che phủ và kiểm soát thông gió: Khu vực nghiền, ép, xử lý sơ bộ và đóng bao phụ phẩm được che phủ kín, bố trí thông gió cưỡng bức, hạn chế tích tụ và phát tán mùi ra môi trường xung quanh.
 - Kiểm soát thời gian và nhiệt độ lưu giữ: Phụ phẩm được xử lý ngay trong ngày, không lưu giữ quá thời gian quy định; trong điều kiện thời tiết nắng nóng, tăng tần suất xử lý, phun chế phẩm sinh học để giảm tốc độ phân hủy gây mùi.
 - Quản lý vận chuyển: Phụ phẩm sau khi đóng bao được vận chuyển bằng phương tiện kín, không rò rỉ, không phát tán mùi trong quá trình vận chuyển ra khỏi nhà máy.
- e. Mùi, khí thải phát sinh từ quá trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải:**

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
“Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk”*

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, mương và hồ ga thoát nước. Công nhân trực tiếp vận hành hệ thống phải tuân thủ theo đúng thiết kế, đúng quy định; có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng hệ thống XLNT nhằm duy trì hoạt động ổn định và hiệu quả của hệ thống.

- Vệ sinh và bảo trì định kỳ mương dẫn nước thải, hồ ga và hệ thống xử lý nước thải.

- Mương thoát nước thải được thiết kế kín, có nắp đậy, có thiết kế lỗ thông hơi, với độ dốc lớn để tránh hiện tượng đọng nước thải, hạn chế gây mùi hôi. Kiểm soát mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải thông qua thiết kế các bể xử lý (có nắp đậy kín, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định).

❖ **Xử lý khí phát sinh từ bể kỵ khí UASB của hệ thống xử lý nước thải:**

- Khí phát sinh từ bể UASB chủ yếu CH_4 , CO_2 và một lượng nhỏ khí H_2S . Thông thường khí biogas phát sinh từ quá trình kỵ khí được xác định với giá trị khoảng 0,3 – 0,5 m^3 khí/ m^3 bể/ngày, thể tích bể UASB của HTXLNT có thể tích 108,75 m^3 . Lưu lượng khí phát sinh trong ngày khoảng 43,5 m^3 /ngày tương đương 1,81 m^3 /giờ.

Bảng 3. 9. Bảng tổng hợp thành phần khí biogas từ bể kỵ khí UASB

STT	Thành phần khí	Ký hiệu	Hàm lượng trung bình	Thể tích ($\text{mg}/\text{m}^3/\text{giờ}$)	QCVN 05:2023/BTNMT	Ghi chú
1	Metan	CH_4	55 – 65 % thể tích	1,00 – 1,18	-	Khí cháy, không mùi
2	Cacbon dioxit	CO_2	30 – 40 % thể tích	0,55 – 0,73	-	Không mùi
3	Hydro sulfua (thấp)	H_2S	50 – 2.000 ppm	0,00009 – 0,0036	42	Gây mùi
4	Nitơ	N_2	1 – 3 % thể tích	0,018 – 0,055	-	Khí trơ
5	Hydro	H_2	< 1 % thể tích	< 0,018	-	Không mùi
6	Amoniac (thấp)	NH_3	< 50 ppm	< 0,00009	200	Gây mùi
7	Hơi nước	H_2O	Bão hòa	0	-	Phụ thuộc nhiệt độ

(Nguồn: Chernicharo, C.A.L. (2007). *Biological Wastewater Treatment Series – Volume 4: Anaerobic Reactors*. IWA Publishing, London)

- Với lưu lượng khí biogas phát sinh khoảng 43,5 m^3 /ngày (tương đương 1,81 m^3 /giờ), trong đó thành phần chủ yếu là metan (CH_4) chiếm khoảng 55 – 65% thể tích và cacbon dioxit (CO_2) chiếm khoảng 30 – 40% thể tích, các khí này không mùi và khi phát tán trong điều kiện không gian mở sẽ nhanh chóng bị pha loãng trong không khí xung quanh, do đó không gây tác động đáng kể đến chất lượng không khí khu vực.

- Các thành phần gây mùi như hydro sulfua (H_2S) và amoniac (NH_3) chỉ chiếm hàm lượng rất thấp (H_2S khoảng 50 – 2.000 ppm, NH_3 < 50 ppm), tương ứng với thể tích phát sinh nhỏ (H_2S tối đa khoảng 0,087 m^3 /ngày, NH_3 < 0,0022 m^3 /ngày). Với lưu lượng phát sinh thấp và thời gian tồn tại ngắn trong môi trường không khí, các khí này khó tích tụ đến nồng độ gây ảnh hưởng rõ rệt, đặc biệt so với QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
“Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk”*

- Bên cạnh đó, hệ thống xử lý nước thải được bố trí ở khu vực riêng, cuối hướng gió. Do vậy, tác động của khí biogas đến môi trường không khí xung quanh được đánh giá là nhỏ và trong giới hạn cho phép, không gây ảnh hưởng đáng kể đến khu vực dân cư và các công trình lân cận.

3. Công trình biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

a. Biện pháp thu gom, phân loại

Với số lượng cán bộ, công nhân lao động tại Nhà máy là 150 người, định mức mỗi người thải ra khoảng từ 0,9 kg/người/ngày (tính theo QCVN 01:2021/BXD) thì tổng khối lượng CTR sinh hoạt lớn nhất trong ngày khoảng 135 kg/ngày.

Thành phần chất thải rắn sinh hoạt như sau: các loại chất khác nhau như rau, vỏ hoa quả, xương, giấy, vỏ đồ hộp...Chất thải sinh hoạt có chứa 60 – 70% chất thải rắn có khả năng phân huỷ và 30 – 40% các chất khác. Trong đó, chất thải có khả năng tái chế chiếm khoảng 10% tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

Bảng 3. 10. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt thông thường phát sinh

STT	Danh mục chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải không có khả năng tái chế (vỏ trái cây, thực phẩm thừa,...)	122	44.530
2	Chất thải có khả năng tái chế (bìa carton, giấy, chai nhựa, lọ thủy tinh, kim loại,...)	13	4.745
TỔNG		135	49.275

b. Thiết bị, khu vực lưu giữ

Bảng 3. 11. Bảng thống kê các hạng mục và thiết bị lưu chứa CTR thông thường

STT	Hạng mục/ Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Ghi chú
I	Thiết bị lưu chứa			
1	Thùng chứa rác 60 lít	Vật liệu: Nhựa HDPE, màu xanh, có nắp đậy kín và bánh xe di chuyển - Kích thước: 430 x 410 x 600mm	09	Bố trí tại nhà ăn, nhà xưởng, văn phòng
2	Thùng chứa rác 120 lít	Vật liệu: Nhựa HDPE, màu xanh, có nắp đậy kín và bánh xe di chuyển - Kích thước: 560 x 465 x	12	Đọc các tuyến đường nội bộ

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

		946mm		
3	Thùng chứa rác 660 lít	Vật liệu: Nhựa HDPE, màu xanh, có nắp đậy kín và bánh xe di chuyển - Kích thước: 560 x 465 x 946mm	6	Kho chất thải rắn sinh hoạt
II Hạng mục công trình				
1	Kho chất thải rắn sinh hoạt	- Diện tích: 20m ² - Nền BT, tường gạch, mái lợp tôn - Có hệ thống thoát nước	01	Thuộc khu phụ (Gần cổng lấy rác)

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn – Xuất nhập khẩu Chánh Thu)

c. Đơn vị thực hiện thu gom, xử lý và tần suất thu gom

✦ **Đơn vị thực hiện thu gom, xử lý:** Ông Bạch Hưng Tú theo hợp đồng số 01/2024/HĐTGRSTSH ngày 01/08/2024 giữa ông Bạch Hưng Tú và Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất nhập khẩu trái cây Chánh Thu.

✦ **Tần suất thu gom:** Định kỳ vào thứ 3-5-7 hàng tuần.

3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp

3.2.1. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

a. Khối lượng phát sinh:

Bảng 3. 12. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường

STT	Danh mục chất thải	Đơn vị	Khối lượng CTR sản xuất
1	Vỏ trái cây, trái cây; phế phẩm thải từ nguyên liệu sản xuất	Tấn/năm	13.941
1.1	Phế phẩm từ nguyên liệu trái cây nguyên trái	Tấn/năm	295
1.2	Phế phẩm từ nguyên liệu đông lạnh nguyên trái	Tấn/năm	3.650
1.3	Phế phẩm từ nguyên liệu trái cây bóc tách, cắt lát đông lạnh	Tấn/năm	9.996
2	Rác thu hồi từ song chắn rác và máy lược rác tinh ở HTXLNT (không chứa yếu tố nguy hại)	Tấn/năm	13,9
3	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ (không chứa yếu tố nguy hại)	Tấn/năm	2
4	Dầu mỡ thải từ thiết bị tách mỡ (không chứa yếu tố nguy hại)	Tấn/năm	0,3
5	Than hoạt tính từ hệ thống xử lý nước cấp (không chứa yếu tố nguy hại)	Tấn/năm	0,484
	Tổng cộng	tấn/năm	13.957,684

↓ **Than hoạt tính từ hệ thống xử lý nước cấp:**

Đường kính cột lọc tại hệ thống xử lý nước cấp là 0,75m, chiều cao lớp than hoạt tính là 1,0m. Thể tích lớp than hoạt tính là $0.44\text{m}^3/\text{bồn}$, hệ thống xử lý nước có 2 bồn với thể tích than hoạt tính sử dụng là 0.88 m^3 . Ti trọng than hoạt tính khoảng $550\text{kg}/\text{m}^3$. Do đó, khối lượng than hoạt tính sử dụng là 484kg.

Tần suất thay thế: 1 lần/năm.

↓ **Dầu mỡ thải từ thiết bị tách mỡ:** Lượng dầu mỡ (dự kiến) phát sinh khoảng $0,8\text{kg}/\text{bể}/\text{ngày} * 365\text{ ngày} = 292\text{ kg}/\text{năm} = 0,3\text{ tấn}$

↓ **Rác thu hồi từ song chắn rác và máy lược rác tinh của HTXLNT**

- Rác thu gom từ song chắn rác và thiết bị lược rác tinh của hệ thống ước tính khoảng 13,9 tấn/năm. Vào cuối ngày nhân viên vận hành sẽ thu gom từ các thùng chứa khu vực đặt thiết bị rồi đưa về kho chứa chất thải rắn thông thường có dung tích 660 lít và bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom tương tự như chất thải rắn thông thường.

b. Khu vực lưu giữ:

- Chất thải rắn thông thường là vỏ trái cây, trái cây; phế phẩm thải từ nguyên liệu sản xuất được thu gom tại băng chuyền tách vỏ và vận chuyển về đơn vị xử lý trong ngày.

- Các chất thải rắn thông thường khác được thu gom vào thùng chứa có dung tích 240L và 660L về kho lưu giữ chất thải rắn thông thường có diện tích 360m^2 .

- Chất thải rắn có khả năng tái chế được thu gom vào thùng chứa có dung tích 240L và 660L về kho lưu giữ chất thải rắn thông thường có diện tích 360m^2

c. Phương án thu gom, xử lý:

- Chất thải rắn thông thường là vỏ trái cây, trái cây; phế phẩm thải từ nguyên liệu sản xuất chuyển giao cho Công ty Cổ phần sản xuất khai thác khoáng sản Đại Nam với hồ sơ xe (được đính kèm tại phụ lục).

- Các chất thải rắn thông thường khác và chất thải rắn có khả năng tái chế được chuyển giao tương tự như chất thải rắn sinh hoạt.

d. Tần suất thu gom, xử lý:

- Chất thải rắn thông thường là vỏ trái cây, trái cây; phế phẩm thải từ nguyên liệu sản xuất: Hàng ngày

- Các chất thải rắn thông thường khác và chất thải rắn có khả năng tái chế: Tương tự như chất thải rắn sinh hoạt

3.2.2. Chất thải rắn công nghiệp cần kiểm soát

a. Phương án thu gom, xử lý:

- Chất thải rắn công nghiệp cần kiểm soát được thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT). Chất thải cần được kiểm định tính chất và lưu giữ, chuyển giao xử lý tương tự theo tính chất sau kiểm định của chất thải.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

a. Biện pháp thu gom, phân loại

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
“Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk”*

↓ Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất của Nhà máy (sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị...) và sinh hoạt của công nhân viên nhà máy. Chất thải nguy hại được thu gom và lưu giữ theo quy định

Bảng 3. 13. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

TT	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	Bùn	24.637,5
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	5
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	46
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	2
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 01 02	15
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	3
7	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	Rắn	18 01 04	3
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại;	Rắn	18 02 01	5
9	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	2
10	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 05	5
Tổng cộng:				24.723,5

↓ **Lượng bùn thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung** có phân loại KS theo quy định. Với công suất của hệ thống là 250m³/ngđ, nồng độ TSS theo thiết kế là 300mg/L. Lượng bùn thải phát sinh ước tính như sau: 300 mg/L x 250m³/ngđ x 1000 = 75.000.000mg/ngđ=75kg/ngđ; Với hiệu suất xử lý TSS đạt 90%, khối lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung là 24.637,5 kg/năm.

↓ **Bùn, cát thải từ hệ thống thu gom nước thải:** Bùn, cát thải hệ thống thu gom nước thải (hồ ga, song chắn rác, bể tách mỡ, tuyến cống). Chủ yếu là cát, đất và cặn lắng tại các hồ ga, song chắn rác, không thể thu gom triệt để tại hệ thống xử lý nước thải tập trung. Do đó lượng bùn và cát thải này được thu gom và nạo vét định kỳ 12 tháng/lần. Khối lượng thu gom cho 1 lần nạo vét theo tham khảo từ các dự án tương tự khoảng 675kg/năm.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

b. Thiết bị, khu vực lưu giữ

Bảng 3. 14. Thống kê hạng mục công trình lưu chứa chất thải nguy hại

STT	Hạng mục/ Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Ghi chú
I	Thiết bị lưu chứa			
1	Thùng chứa rác 240 lít	- Vật liệu: Nhựa HDPE, màu đen - Kích thước: 580 x 740 x 1100 mm	03	Bố trí tại khu lưu chứa CTNH
II	Hạng mục công trình			
1	Khu lưu chứa CTNH	- Diện tích: 12m ² - Nền BT, tường gạch, mái lợp tôn	01	Cạnh kho hoá chất

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn – Xuất nhập khẩu Chánh Thu)

c. Đơn vị thực hiện thu gom, xử lý và tần suất thu gom

✦ **Đơn vị thực hiện thu gom, xử lý:** Công ty Cổ phần Môi trường Khánh Hoà theo hợp đồng kinh tế số 391/25/HĐKT/MTKH ngày 04/09/2025 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất nhập khẩu Trái cây Chánh Thu và Công ty CP Môi trường Khánh Hoà.

✦ **Tần suất thu gom:** 1 lần/năm

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Xây dựng nhà xưởng đúng tiêu chuẩn quy định, gia cố chân đế móng đỡ các thiết bị phát sinh ồn, rung.

- Sử dụng các phương tiện vận tải có chỉ số kỹ thuật đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Lắp đặt các bộ đỡ giảm ồn bằng cao su để giảm rung cho máy móc có công suất lớn. Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra định kỳ thiết bị có độ mòn cho tiết, chế độ hoạt động bảo trì, bôi trơn.

- Thay các bộ phận máy móc thiết bị phát ra rung động.

- Nền bộ máy thiết bị phải bằng phẳng và chắc chắn. Cách ly những thiết bị phát ra độ rung lớn bằng những rãnh cách xung quanh móng máy (móng đệm cát, tấm lót cao su bên dưới máy móc, khe cách âm, ko...).

- Sắp xếp thời gian làm việc hợp lý để tránh việc các máy móc gây ồn cùng làm việc sẽ gây nên tác động cộng hưởng.

- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện giao thông, máy móc thiết bị đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt.

- Thực hiện chế độ bảo hộ lao động, chăm sóc sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp,...

- Máy phát điện được đầu tư mua mới, đi kèm với hệ thống xử lý khí thải, tiếng ồn.

- Khu vực bố trí máy phát điện, máy nén lạnh là khu vực riêng biệt cuối nhà máy để tránh ảnh hưởng đến công nhân và nhân viên nhà máy trong quá trình làm việc.

- Các biện pháp quản lý tiếng ồn đảm bảo tiếng ồn tại cơ sở luôn đảm bảo theo quy định tại QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

6. Phương án, phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động

❖ Đề hạn chế các rủi ro xảy ra, nhà máy áp dụng các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn cho công nhân và cho sản xuất như sau:

- Phổ biến chế độ, tiêu chuẩn, quy định – quy phạm về an toàn vệ sinh lao động cho công nhân viên. Thành lập đội phụ trách về an toàn vệ sinh lao động, ban hành các nội quy – quy tắc để thực hiện. Tiến hành đào tạo và tập huấn định kỳ kiến thức về an toàn lao động cho công nhân viên. Các hướng dẫn, quy tắc ngắn gọn, dễ hiểu. Ở những khu vực làm việc có nguy cơ mất an toàn cao cần phải lắp biển cảnh báo và ghi rõ số điện thoại của các đơn vị cấp cứu, cứu hỏa...

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy chế quản lý kỹ thuật an toàn đối với các máy móc, thiết bị, hóa chất độc hại có yêu cầu an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp. Kiểm tra định kỳ các phương tiện vận chuyển và các quy định an toàn trong vận chuyển. Hợp lý hóa quá trình sản xuất để rút ngắn thời gian tiếp xúc với các khu vực tiếp xúc nhiều hóa chất trong quá trình sản xuất.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động, tủ thuốc sơ cứu, các dụng cụ phòng chống độc theo đúng quy định cho từng khu vực làm việc.

❖ Các quy tắc chung để đảm bảo an toàn điện

- Thực hiện che chắn các thiết bị và bộ phận của mạng điện để tránh nguy hiểm khi tiếp xúc bất ngờ vào vật dẫn điện. Sử dụng đúng điện áp, thực hiện nối đất hoặc nối dây trung tính vào các thiết bị điện phục vụ sản xuất cũng như thấp sáng theo đúng tiêu chuẩn.

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên hệ thống điện và vận hành theo đúng quy tắc an toàn.

❖ Giải pháp an toàn giao thông

- Bố trí thời gian vận chuyển nguyên liệu, thành phẩm phù hợp. Xe vận chuyển đi đúng tốc độ cho phép và không vượt quá trọng tải, xe phải được đăng kiểm theo đúng quy định.

- Người lái xe phải có giấy phép lái xe tuân thủ các quy định về an toàn giao thông.

6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất

- Kho hóa chất – vật tư có kích thước 20x12x4m, kết cấu kiểu nhà cấp 4, tường xây gạch, nền láng xi măng đảm bảo kiên cố. Hệ thống rãnh thu gom và thoát nước, đáp ứng đủ các điều kiện về phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động theo quy định pháp luật hiện hành.

- Quá trình sử dụng hóa chất dùng trong sơ chế mù đúng với yêu cầu và tỷ lệ kỹ thuật tối ưu.

- Trong quá trình nhập kho, cần kiểm tra kỹ bao bì, thùng/bao chứa hóa chất để đảm bảo không có hiện tượng, nứt/rách/vỡ tránh hiện tượng tràn đổ hóa chất. Nếu phát hiện có hiện tượng rò rỉ hóa chất cần phải để riêng và xử lý trước khi nhập kho.

- Trong kho bảo quản phải sắp xếp ngay ngắn và theo từng khu vực riêng tùy tính chất của hóa chất để thuận tiện cho quá trình kiểm tra và giám sát. Lưu trữ hóa chất trong khu vực khô ráo, thoáng mát, cần lưu ý với những hóa chất được bảo quản trong thùng kín. Hóa chất dễ cháy cần tránh xa các nguồn điện, nhiệt hoặc nguồn đánh lửa.

- Không sử dụng các dụng cụ - thiết bị có khả năng gây ra tia lửa do ma sát hay va đập. Theo dõi thường xuyên nhiệt độ, độ ẩm và lưu thông không khí tại kho chứa. Nghiêm cấm các hành vi hút thuốc lá hoặc mang các vật có khả năng gây cháy và dễ bắt lửa (mà không phải hóa chất phục vụ cho hoạt động sản xuất) vào kho.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

- Việc bảo quản lưu giữ hóa chất được cơ sở thực hiện theo quy định tại TCVN 5507:2022 về Hóa chất nguy hiểm – Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với chất thải

6.3.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động phát sinh nước thải từ các doanh nghiệp.
- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng nạo vét đường ống để phát hiện và xử lý kịp thời trường hợp sự cố tắc nghẽn và rò rỉ trong hệ thống xử lý nước thải;
- Thường xuyên vệ sinh và nạo vét các trạm bơm trung chuyển gây sự cố cho bơm trung chuyển.
- Dự trữ bơm dự phòng để đối phó với trường hợp sự cố cần thiết về thiết bị.
- Khi xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, chủ dự án và đơn vị thiết kế đã tính toán lý lượng với hệ số an toàn cao, công việc tính toán thiết kế và xây dựng được thực hiện bởi đơn vị có chuyên môn để tránh sự cố rò rỉ, vỡ bể xử lý.
- Các bể xử lý được xây dựng bằng BTCT chắc chắn.
- Bố trí cán bộ chuyên trách có năng lực và chuyên môn để vận hành và bảo trì hệ thống xử lý nước thải tập trung. Các nhân viên vận hành phải có kinh nghiệm và chuyên môn trong việc vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Thường xuyên kiểm tra các bể để kịp thời phát hiện sự cố rò rỉ, những vết nứt trên thành bể để kịp thời sửa chữa.
- Chuẩn bị các bơm, thiết bị sục khí, thiết bị dự phòng khác nhằm thay thế ngay khi các thiết bị này hư hỏng, không làm gián đoạn quá trình xử lý.
- Thường xuyên tiến hành kiểm tra, bổ sung hóa chất vào các bể để đảm bảo hiệu quả xử lý của hệ thống

a. Quy trình ứng phó sự cố

Quy trình ứng phó sự cố được thực hiện theo quy trình như sau:

➤ **Bước 1:** Phát hiện sự cố

Sự cố sẽ được phát hiện thông qua việc kiểm tra vận hành hàng ngày của hệ thống và công tác kiểm tra giám sát của một số bộ phận liên quan.

➤ **Bước 2:** Thông báo

Ngay khi phát hiện sự cố, nhân viên vận hành có trách nhiệm thông báo đến quản lý trực tiếp và ban lãnh đạo nhanh chóng và hiệu quả nhất bằng mọi phương thức liên lạc để đảm bảo sự cố không gây ra tác hại nghiêm trọng.

➤ **Bước 3:** Xem xét

Khi nhận được thông báo về sự cố đối với HTXLNT, ban lãnh đạo, quản lý, giám sát phải xem xét, đánh giá mức độ nghiêm trọng của sự cố và triển khai các biện pháp ứng phó. Tùy vào trường hợp cụ thể, nếu sự cố ngoài khả năng ứng phó của trong phạm vi dự án chủ dự án cần thông báo và phối hợp với các cơ quan quản lý địa phương để cùng phối hợp nguồn lực xử lý.

➤ **Bước 4:** Hành động ứng phó

Sau quá trình xem xét mức độ nghiêm trọng của sự cố, quản lý trực tiếp sẽ phân công nhân sự nhà máy triển khai các biện pháp tạm thời để đảm bảo khắc phục sự cố. Đối với các sự cố nghiêm trọng sẽ cần có sự chỉ đạo và hỗ trợ trực tiếp từ ban lãnh đạo và cơ quan lý của địa phương để đảm bảo sự cố được xử lý hiệu quả và nhanh chóng tránh gây hậu quả nghiêm trọng đến môi trường.

➤ **Bước 5:** Khắc phục sự cố

Xác định nguyên nhân gây ra sự cố, để có phương án sửa chữa máy móc hay điều chỉnh thông số vận hành xử lý cho phù hợp hạn chế tái diễn sự cố tương tự trong tương lai.

➤ **Bước 6: Kiểm tra và lưu hồ sơ**

Sau khi sự cố đã được khắc phục hệ thống hoạt động trở lại, cần kiểm tra lại một lần nữa nhằm đảm bảo hệ thống đã đạt yêu cầu. Hồ sơ cần được lưu lại và cập nhật vào phương án phòng ngừa sự cố hướng dẫn cho công nhân vận hành để không lặp lại các sự cố tương tự.

b. Công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố

– Nhằm đảm bảo điều kiện vận hành của toàn bộ hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải trong quá trình hoạt động, Dự án đầu tư xây dựng công trình hồ sự cố có thể tích 2.400m³. Khi có sự cố xảy ra tại dòng vào tiến hành khoá van dẫn nước thải vào hệ thống xử lý nước thải, nước thải được dẫn về hồ sự cố để lưu trữ và tái xử lý lại khi khắc phục xong sự cố.

– Trường hợp HTXLNT bị sự cố hoặc nước thải sau xử lý vượt quá quy chuẩn thông qua việc kiểm soát bằng hệ thống quan trắc tự động, liên tục, nước thải được dẫn về lưu chứa tại hồ sự cố. Sau khi đã khắc phục xong sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung, nước thải tại hồ sự cố được bơm về bể gom của HTXLNT tập trung để tái xử lý.

– Trường hợp chất lượng nước thải đầu vào vượt quá giới hạn tiếp nhận, điều chỉnh giảm lưu lượng đi vào hệ thống xử lý là 30%, lượng nước còn lại được dẫn về lưu tại hồ sự cố. Điều hướng, dẫn nước thải sau xử lý về hồ sự cố cho đến khi nước thải đạt giới hạn tiếp nhận đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

– Trường hợp tạm dừng hệ thống xử lý để duy tu, bảo trì, nước thải được đưa về hồ sự cố. Sau khi bảo trì xong thì nước thải được bơm về bể gom để tiếp tục xử lý

6.3.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ chất thải

- Giám sát việc phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn thường xuyên.

- Đào tạo, tập huấn cập nhật kiến thức cho nhân viên và nhân viên vệ sinh thu gom chất thải về phân loại, vận chuyển chất thải, xử lý sự cố rò rỉ, rơi vãi chất thải.

- Khi xảy ra sự cố rò rỉ, rơi vãi chất thải: Xử lý thu gom chất thải đảm bảo an toàn, ngăn ngừa phơi nhiễm cho nhân viên.

- Đối với nước thải, khi hệ thống xảy ra sự cố nước thải được đưa về hồ sự cố không tiến hành xả ra ngoài môi trường. Sau khi hệ thống hoạt động trở lại, nước thải được bơm về hệ thống để xử lý

6.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Thiết kế, lắp đặt hệ thống PCCC, chống sét theo đúng yêu cầu và quy định của các cơ quan quản lý chức năng.

- Đường nội bộ được thiết kế đảm bảo phương tiện cứu hỏa đến được tất cả các vị trí nhỏ nhất trong từng khu vực của Nhà máy.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ PCCC, có phương án PCCC và tuân thủ các quy định về PCCC.

- Các phương tiện phòng chống cháy luôn được kiểm tra thường xuyên và luôn ở trong tình trạng sẵn sàng. Những vật liệu cứu hỏa như: bình CO₂, vật dập lửa, cát, thang chữa cháy,... được đặt tại các vị trí thích hợp nhất để tiện việc sử dụng.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện, các phụ tải và các thiết bị điện.

- Nhà máy đã được cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 140/TĐ-PCCC ngày 08/11/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công An Tỉnh Đắk Lắk.

- Các giải pháp, hệ thống PCCC:

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

+ Thiết kế hệ thống báo cháy tự động địa chỉ gồm 01 trung tâm 02 LOOP đặt tại phòng trực điều khiển chống cháy (nhà bảo vệ 03), thiết kế các đầu báo cháy khói kiểu điểm, đầu báo cháy nhiệt, đầu báo cháy chiếu và đầu báo khói kiểu hút cho kho lạnh; tổ hợp nút ấn, chuông báo cháy được bố trí trên lối, đường thoát nạn.

+ Hệ thống chữa cháy ngoài nhà thiết kế mạch vòng gồm các đường ống D150, 04 họng tiếp nước và 10 trụ chữa cháy ngoài nhà.

+ Hệ thống chữa cháy vách tường: Sử dụng họng chữa cháy vách tường D50 kèm theo lăng D13 với D50, thiết kế mỗi điểm 02 tia phun đến.

+ Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler: Thiết kế nhóm nguy cơ phát sinh cháy 2, sử dụng các đầu phun hướng xuống cho bao bì Pet của nhà xưởng chính, nhà văn phòng 3 tầng, Nhà ăn và nhà cư trú.

+ rạm bơm chữa cháy thiết kế gồm 02 máy bơm chữa cháy động cơ diezen (01 máy bơm chính và 01 máy bơm dự phòng), có dung thông số $Q = 110 \text{ l/s}$, $H = 80\text{m}$; 01 máy bơm bù áp $Q = 8 \text{ l/s}$, $H = 90\text{m}$, bể dự trữ nước chữa cháy có khối tích 3500m^3 .

+ Khu vực phòng chữa thiết bị điện (03 bình chữa cháy 4200g và 01 bình 3000g), phòng để máy phát (04 bình chữa cháy 5700g và 01 bình 1200g), các xưởng sản xuất chính.

+ Hệ thống chống sét đánh thẳng tia tiên đạo, 03 kim thu sét bán kính bảo vệ 120m, 03 bãi tiếp địa, điện trở nhỏ hơn 10Ω .

+ Sử dụng các bình chữa cháy bằng bột loại 8kg bố trí phân tán tại các hạng mục thuộc công trình.

+ Hệ thống chiếu sáng sự cố trên lối ra, đường thoát nạn, hành lang, cầu thang thoát nạn.

6.5. Trách nhiệm của chủ dự án trong phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Chủ dự án thực hiện trách nhiệm phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo đúng quy định tại điều 122, điều 124, điều 125 Luật bảo vệ môi trường.

- Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện yêu cầu về kế hoạch, biện pháp, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường

6.6. Phục hồi môi trường sau sự cố môi trường

- Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi dự án; Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo UBND cấp xã nơi xảy ra sự cố môi trường và ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp để phối hợp ứng phó.

- Chủ dự án gây ra sự cố môi trường phải thực hiện phục hồi môi trường sau sự cố môi trường trong phạm vi dự án. Việc phục hồi môi trường sau sự cố môi trường phải bảo đảm đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất lượng môi trường xung quanh.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Không có

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chanh Thu Đắk Lắk"*

Bảng 3. 15. Bảng thống kê các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt ĐTM

STT	Tên công trình bảo vệ môi trường	Theo ĐTM	Thực tế	Ghi chú
I	Thông tin chung			
1	Cơ cấu sử dụng đất	Đất xây dựng công trình: 36.397,7 m² Đất hạ tầng kỹ thuật : 4.502,8 m² Đất cây xanh : 33.370,0 m² Đất hành lang an toàn điện: 10.615,9 m² Đất giao thông nội bộ: 14.915,6 m²	Đất xây dựng công trình: 36.751,47 m² Đất hạ tầng kỹ thuật : 4.000 m² Đất cây xanh : 33.519,53 m² Đất hành lang an toàn điện: 10.615,9 m² Đất giao thông nội bộ: 14.915,5 m²	Theo hồ sơ thiết kế do Công ty TĐ XNK Trái cây Chanh Thu lập. Đã được thẩm định tại Sở xây dựng tỉnh Đắk Lắk. Cơ cấu sử dụng đất không thay đổi so với quyết định 3313/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND huyện Cư M'Gar về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chanh Thu
II	Công trình bảo vệ môi trường			
1	Công nghệ xử lý nước thải	Nước thải sản xuất → bể gom nước thải sản xuất → bể điều hoà nước thải sản xuất → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng hoá lý.	Nước thải sản xuất → Bể gom nước thải sản xuất → Máy lọc rác tinh → Bể điều hoà nước thải sản xuất → Cụm bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng hoá lý → Bể trung	Lý do điều chỉnh: Nâng cao hiệu quả xử lý

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
“Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk”

		Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom → Bể điều hoà	gian 1 → Bể kỵ khí UASB. → Bể điều hoà nước thải sinh hoạt.	
2	Thu gom – xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường	Nước thải chung → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bể lọc trung gian → Bồn lọc áp lực → Nguồn tiếp nhận - Phụ phẩm phát sinh tại nhà máy 45 tấn/ngày chủ yếu → khu vực nghiền, ép, xử lý sơ bộ → đóng bao và chuyển đến các vườn cây trồng của Công ty tại Đắk Lắk, Bình Phước để ủ làm phân bón với tần suất vận chuyển tối thiểu là 02 ngày/lần. - Bùn thải từ hệ thống bể tự hoại 3 ngăn → Thu gom tương tự chất thải rắn thông thường. Tần xuất 06 tháng/lần. - Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải → Thu gom tương tự chất thải rắn thông thường. Tần xuất 06 tháng/lần	Nước thải sinh hoạt → Bể gom nước thải sinh hoạt → Bể điều hoà nước thải sinh hoạt → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Khử trùng → Nguồn tiếp nhận - Phụ phẩm, phế phẩm là nguyên liệu từ quá trình sản xuất → Máy tách vỏ → Thu gom → Vận chuyển về Công ty - Chất thải rắn thông thường khác → Thu gom, lưu giữ tại kho chất thải rắn thông thường → Chuyển giao như chất thải rắn sinh hoạt. - Chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế → Thu gom, lưu giữ tại kho chất thải rắn tái chế → Chuyển giao như chất thải rắn sinh hoạt. - Bùn từ HTXLNT và các chất thải rắn công nghiệp cần kiểm soát được kiểm định tính chất trước khi thực hiện chuyển giao cho đơn vị xử lý.	Lý do điều chỉnh: Theo quy định tại TT02/2022/TT-BTNMT và theo nhu cầu sản xuất của máy, việc nghiền, ủ, đóng bao và xử lý thành phân bón không được thực hiện trong phạm vi nhà máy để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
3	Khu vực nghiền, ủ vỏ sầu riêng	- Diện tích : 4.320m ² - Hoạt động nghiền, ủ vỏ sầu riêng	Thay đổi công năng từ: Khu vực ủ chín sầu riêng thành khu phụ trợ như sau: - Khu vực cách ly nguyên liệu không đạt chuẩn: - Kho hoá chất: - Kho CTNH - Kho chất thải rắn sinh hoạt: - Sân hoạt động:	Lý do điều chỉnh: theo nhu cầu sản xuất của nhà máy, việc nghiền, ủ, đóng bao và xử lý thành phân bón không được thực hiện trong phạm vi nhà máy để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
“Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chanh Thu Đắk Lắk”**

			- Kho CTRTT: - Kho CTR tái chế:	
4	Công trình xử lý nước thải sơ bộ	Bể tự hoại: 30m ³	- 04 bể tự hoại: 19,5 m³ - 02 bể tự hoại: 13,6 m³ - 01 bể tách mỡ: 2,7 m³ - 01 bể tách dầu: 1,3 m³	Lý do điều chỉnh: Theo nhu cầu thu gom triệt để và giảm tải cục bộ tại HTXLNT
	Các hạng mục/công trình khác			
1	Hệ thống xử lý nước cấp	-	Nước giếng khoan → Bể chứa nước đầu vào → Bồn lọc áp lực DMI → Bồn lọc áp lực than hoạt tính → Bồn lọc áp lực trao đổi ion → Bồn chứa nước sau xử lý → Cụm bơm tăng áp cấp nước → QCVN01-1:2018/BYT	Lý do điều chỉnh: Đảm bảo chất lượng nước phục vụ cho quá trình sản xuất của nhà máy và sinh hoạt của công nhân viên nhà máy.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

a. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước đen và nước xám) từ khu vực nhà xưởng và khu vực nhà nghỉ công nhân;

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước đen và nước xám) từ khu vực văn phòng;

- Nguồn số 03: Nước thải từ nhà bếp – căn tin;

b. Nguồn phát sinh nước thải sản xuất

- Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình vệ sinh nhà xưởng, khay và rô đựng nguyên liệu

- Nguồn số 05: Nước thải từ quá trình rửa trái cây

- Nguồn số 06: Nước thải từ khu vực giặt, sấy trang phục bảo hộ lao động

- Nguồn số 07: Nước thải từ quá trình làm mềm nước của hệ thống xử lý nước cấp

- Nguồn số 08: Nước thải từ quá trình vệ sinh sàn kho hoá chất, kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, thông thường và khu ủ, xử lý vỏ sầu riêng

- Nguồn số 09: Nước thải từ quá trình vệ sinh sản phẩm máy nén lạnh và phòng đặt máy phát điện

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Tổng lưu lượng nước thải lớn nhất là 250 m³/ngàyđêm, tương đương 10,416 m³/giờ

1.3. Dòng nước thải

01 dòng nước thải chung sau hệ thống xử nước thải tập trung xả vào về Suối Ea Kua (phía Tây Bắc dự án).

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

- Các chất ô nhiễm đặc trưng: pH, SS, COD, BOD₅, Tổng Nito, Amoni, Sunfua, Tổng Photpho, Coliform với giới hạn của các chất ô nhiễm: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột A (K_q = 0,9; K_f = 1,1).

Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong dòng nước thải theo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A)

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 - 9	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 điều 97 Nghị
2	SS	mg/L	49,5		
3	Độ màu	Pt/Co	49,5		
4	COD	mg/L	74,25		

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
“Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk”

5	BOD ₅	mg/L	29,7	định 08/2022/ NĐ-CP	định 08/2022/ NĐ-CP
6	Tổng Nito	mg/L	19,8		
7	Tổng Photpho	mg/L	3,96		
8	Amoni	mg/L	4,95		
9	Sunfua	mg/L	0,198		
10	Clo dư	mg/L	0,99		
11	Coliform	MPN/ 100ml	3000		

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

⚡ **Phương thức xả thải:** Tự chảy theo địa hình, nước thải tự chảy qua ống HDPE D90 về Suối Ea Kua.

⚡ **Nguồn tiếp nhận:** Suối Ea Kua (phía Tây Bắc dự án).

⚡ **Vị trí xả thải:** Toạ độ vị trí nguồn tiếp nhận: (Theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trục 108⁰30', múi chiều 3⁰): X= 465468, Y=1416355.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

Không có

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực hệ thống máy nén lạnh thuộc hệ thống cấp đông nhanh tại xưởng sản xuất;

- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng

- Nguồn số 03: Máy tách vỏ sầu riêng

- Nguồn số 04: Hệ thống xử lý nước thải

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: X= 465858; Y=1416139

- Nguồn số 02: X=465843; Y=1416144

- Nguồn số 03: X= 465708; Y= 1416053

- Nguồn số 04: X= 465629; Y= 1416031

(Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trục 108⁰30', múi chiều 3⁰)

3.3. Giá trị giới hạn

❖ Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đến hết ngày 31/12/2026, cụ thể:

⚡ **Tiếng ồn:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tiếng ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1				

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

	70	55	-	Khu vực thông thường
--	----	----	---	-------------------------

✚ *Độ rung:*

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ
CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

1.1. Công trình và thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Vận hành thử nghiệm công trình xử lý được thực hiện theo quy định tại điều 46 Luật bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 và điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của cơ sở là công trình:

Bảng 6. 1. Các công trình vận hành thử nghiệm

TT	Tên hạng mục	Số lượng	Công suất	Thời gian vận hành thử nghiệm
1	Hệ thống xử lý nước thải	1	250 m ³ /ngày đêm	90 ngày

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải của dự án: Sau khi có Giấy phép môi trường, chủ dự án gửi văn bản thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý của dự án cho cơ quan quản lý cấp Giấy phép môi trường chấp thuận.

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải của cơ sở: Sau 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm

- Công suất xử lý dự kiến đến khi kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm là 80%.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Theo khoản 5 điều 21 của thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Điểm c Khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, dự án chỉ thực hiện đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý. Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình, tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần (lấy liên tiếp trong 03 ngày)

Bảng 6. 2. Chi tiết kế hoạch đo đạc, lấy mẫu chất thải đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải

STT	Vị trí lấy mẫu	Quy cách lấy mẫu	Chỉ tiêu	Số lượng mẫu	Quy chuẩn so sánh
I	Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất				
1	Căn cứ theo khoản 5, điều 21 của thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường. Cơ sở không thực hiện lấy mẫu trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất.				
II	Giai đoạn hoạt động ổn định				
1	Bể thu gom nước thải sản xuất	Lấy mẫu tổ hợp: 03 mẫu đơn ở 03 thời điểm khác nhau trong ngày từ 02 nguồn thải đầu vào → trộn lẫn thành 01 mẫu	pH, SS, COD, BOD ₅ , Độ màu, Tổng Nito, Amoni, Sunfua, Tổng Photpho, Clo dư, Coliform	01 mẫu	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"**

		→ phân tích kết quả và đánh giá hiệu quả xử lý			
2	Sau bể khử trùng	Lấy mẫu tổ hợp: 03 mẫu đơn ở 03 thời điểm khác nhau trong ngày → trộn lẫn thành 01 mẫu → phân tích kết quả và đánh giá hiệu quả xử lý	pH, SS, COD, BOD ₅ , Độ màu, Tổng Nito, Amoni, Sunfua, Tổng Photpho, Clo dư, Coliform	03 mẫu	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A

Ghi chú: Trong trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp, loại mẫu nước thải lấy là mẫu tổ hợp

➤ **Tổ chức đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:**

❖ **Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk**

- Địa chỉ: 38 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Đắk Lắk
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu: VIMCERT 046 ngày 22/07/2024.

❖ **Công ty Cổ phần Dịch vụ Sắc ký Sài Gòn:**

- Địa chỉ: Số 40/7 đường Đông Hưng Thuận 14B, phường Đông Hưng Thuận, thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu: VINCERT 330 ngày 27/08/2024.

❖ **Công ty Cổ phần Envilab Việt Nam**

- Địa chỉ trụ sở chính: 29/18 Đường 1, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ phòng thí nghiệm: 79/27 TA28, Phường Thới An, Thành phố Hồ Chí Minh
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu: VINCERT 334 ngày 18/02/2025.

❖ **Công ty CP Kỹ thuật Tiêu chuẩn QCVN Việt Nam**

- Địa chỉ trụ sở chính: 67/2/8 Đường số 5, Phường Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu: VINCERT 197 ngày 23/10/2023.

2. Chương trình quản trắc chất thải theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 111 và khoản 1, 2 Điều 112 Luật Bảo vệ Môi trường 2020, khoản 1 Điều 97 và khoản 1 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: Hoạt động của cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc tự động liên tục và quan trắc định kỳ.

Tuy nhiên, chủ cơ sở sẽ thực hiện việc quan trắc nước thải, khí thải để tự theo dõi, giám sát việc vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải đảm bảo nước thải, khí thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường cho phép đối với nước thải, khí thải trước khi thải ra môi trường (theo quy định tại khoản 6 Điều 111 và khoản 6 Điều 112 Luật Bảo vệ Môi trường 2020).

2.2. Chương trình quan trắc môi trường tự động, liên tục chất thải

Dự án không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự đề xuất của chủ dự án

a. Giám sát chất lượng nước thải

- Tần suất giám sát: tối thiểu 2 lần/năm
- Vị trí giám sát: 01 điểm
 - + Nước thải đầu ra HTXLNT: Tại bể khử trùng
- Chỉ tiêu giám sát: pH, SS, COD, BOD₅, Tổng Nito, Amoni, Sunfua, Tổng Photpho, Coliform
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

b. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Tần suất giám sát: tối thiểu 2 lần/năm
- Thông số giám sát: CO, SO₂, NO₂, NH₃, H₂S, Tổng bụi lơ lửng (TSP)
- Vị trí: 03 điểm
 - + Vị trí cách khu vực hệ thống xử lý nước thải và kho chứa chất thải rắn 100m về cuối hướng gió;
 - + Khu vực bể UASB hệ thống xử lý nước thải
 - + Vị trí cách khu vực nhà máy tối thiểu 100m về cuối hướng gió;
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

c. Giám sát chất lượng tiếng ồn, độ rung:

- Tần suất giám sát: tối thiểu 2 lần/năm
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, độ rung
- Vị trí: 04 điểm
 - + Nguồn số 01: Hệ thống máy nén lạnh khu vực kho lạnh;
 - + Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng
 - + Nguồn số 03: Máy tách vỏ sầu riêng
 - + Nguồn số 04: Hệ thống xử lý nước thải
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

d. Giám sát chất lượng nước mặt (nguồn tiếp nhận)

- Tần suất giám sát: tối thiểu 2 lần/năm
- Thông số giám sát gồm: pH, BOD₅, COD, DO, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (NH₄⁺ tính theo N), Coliform, E. Coli.
- Vị trí: 2 điểm
 - + Vị trí các điểm xả thải 50m về phía thượng nguồn.
 - + Vị trí cách điểm xả thải 50m về phía hạ nguồn.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT, mức C - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

e. Giám sát chất thải thông thường và chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao chất thải cho đơn vị chức năng thu gom và xử lý.
- Vị trí giám sát: Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt, kho chứa chất thải rắn sản xuất,

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

kho lưu giữ chất thải nguy hại

- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn thông thường, quản lý chất thải rắn sản xuất.
- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải (theo nội dung, yêu cầu kỹ thuật đã cam kết).
- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

f. Các chương trình giám sát khác

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi).
- Vị trí giám sát: Khu vực dự án;

Nội dung giám sát: Nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước mưa, hệ thống xử lý nước thải tập trung; sự cố sạt lún, tiêu thoát nước và sự cố môi trường có thể xảy ra; công tác PCCC; an toàn điện; an toàn hóa chất; an toàn và vệ sinh lao động

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí để thực hiện chương trình giám sát môi trường của cơ sở khoảng: 75.000.000 VNĐ

CHƯƠNG VI. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất nhập khẩu Trái Cây Chánh Thu cam kết:

- Các thông tin, số liệu sử dụng trong báo cáo hoàn toàn chính xác, trung thực.
- Duy trì thực hiện các biện pháp BVMT, vận hành các công trình xử lý chất thải tại nhà máy theo quy định; cam kết thực hiện việc đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình hoạt động của nhà máy.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của nhà máy.
- Không đổ, xả thải nước thải, khí thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt ra ngoài môi trường trong bất kỳ trường hợp nào.
- Cam kết trong các giai đoạn hoạt động của cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt các quy chuẩn như sau:
 - + QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
 - + QCVN 08:2023 /BTNMT, mức C - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;
 - + QCVN 40:2011/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải công nghiệp;
 - + QCVN 09:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.
- Chất thải rắn được thu gom, xử lý theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn lao động, ứng phó sự cố môi trường theo đúng quy định.
- Công ty cam kết thực hiện các biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường theo báo cáo mô tả và đền bù thiệt hại khi xảy ra sự cố môi trường.
- Hàng năm, thực hiện quan trắc môi trường và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
“Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk”*

HÌNH ẢNH CỦA DỰ ÁN

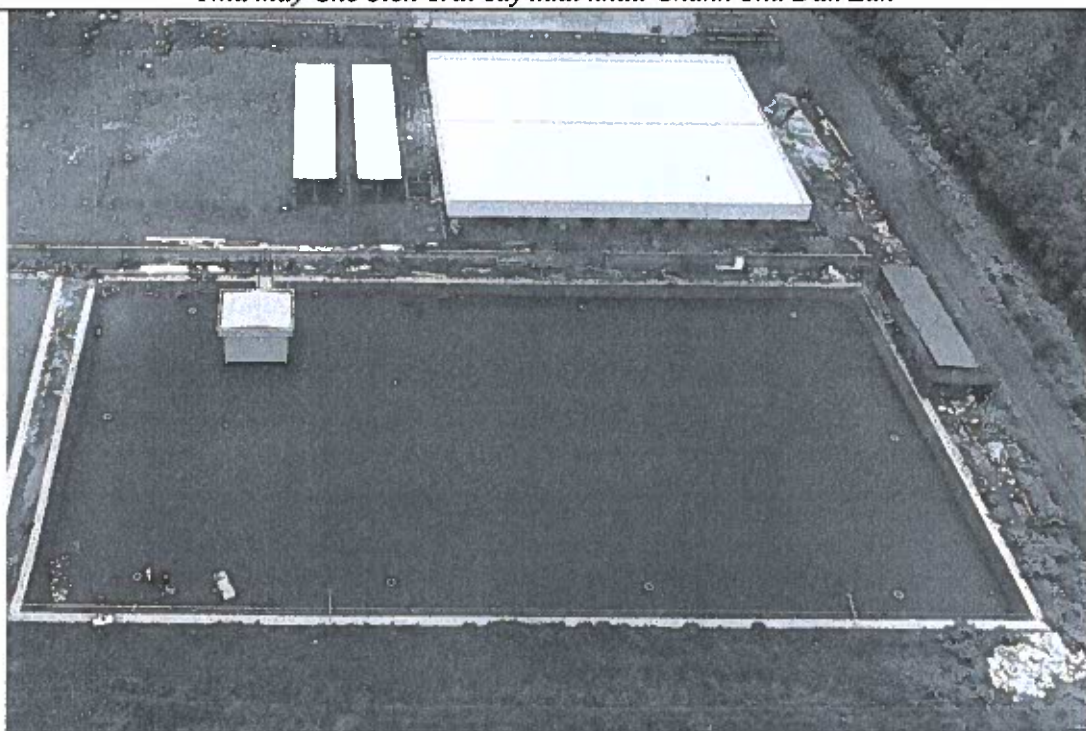


Hệ thống thu gom nước mưa mái



Hồ ga nước mưa

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
“Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk”*

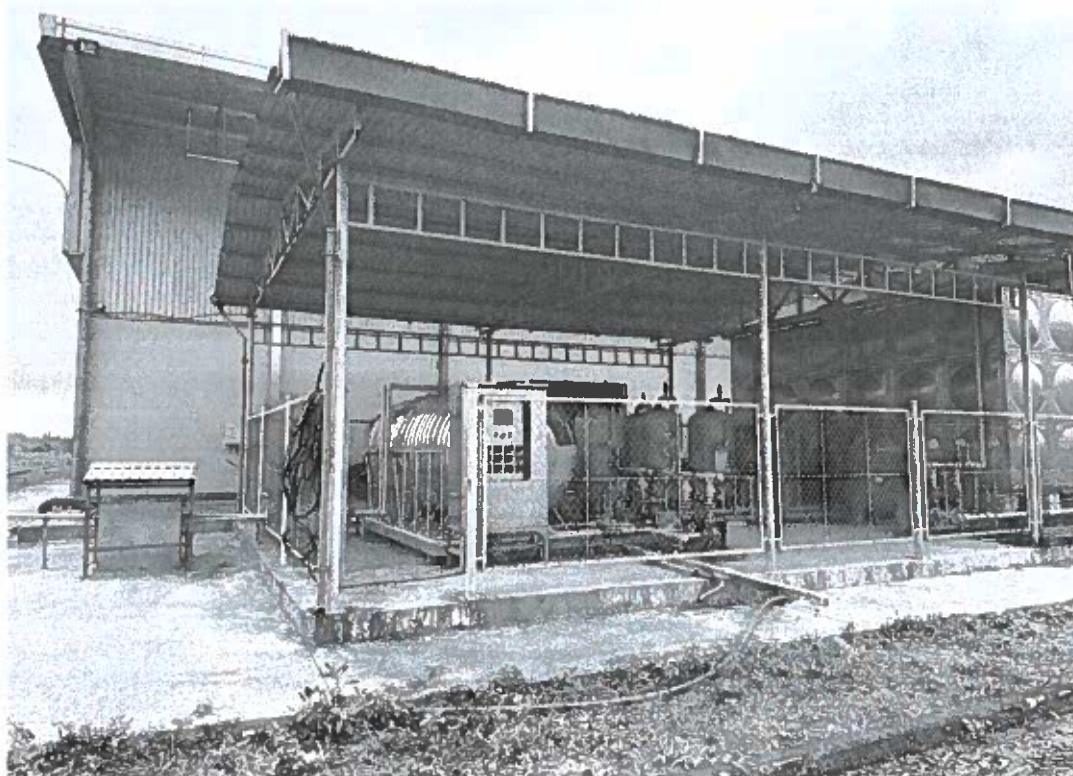


Hồ chứa nước mưa

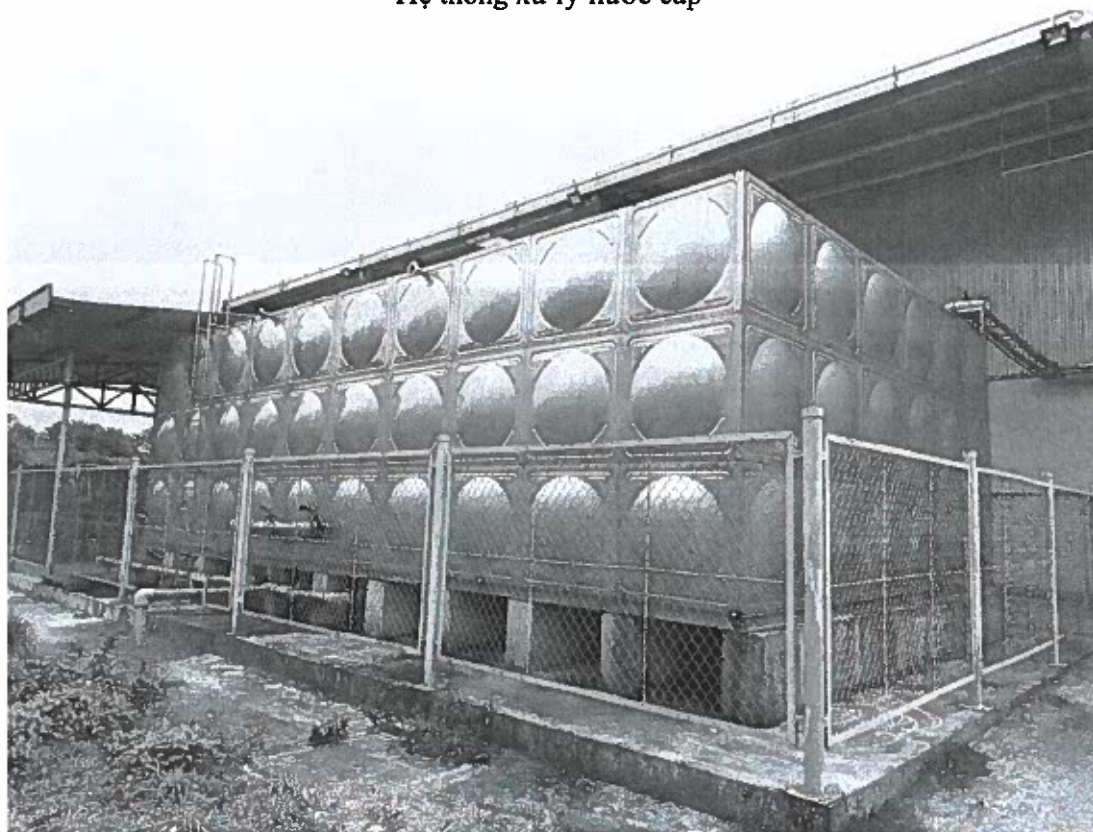


Chi tiết hệ thống xử lý nước cấp

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*



Hệ thống xử lý nước cấp



Bồn chứa nước cấp

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*



Bồn khí nén lạnh



Hệ thống máy nén lạnh

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*



Khu vực xử lý vỏ sầu riêng thay đổi công năng thành kho chứa cách ly nguyên liệu đầu vào không đạt chuẩn

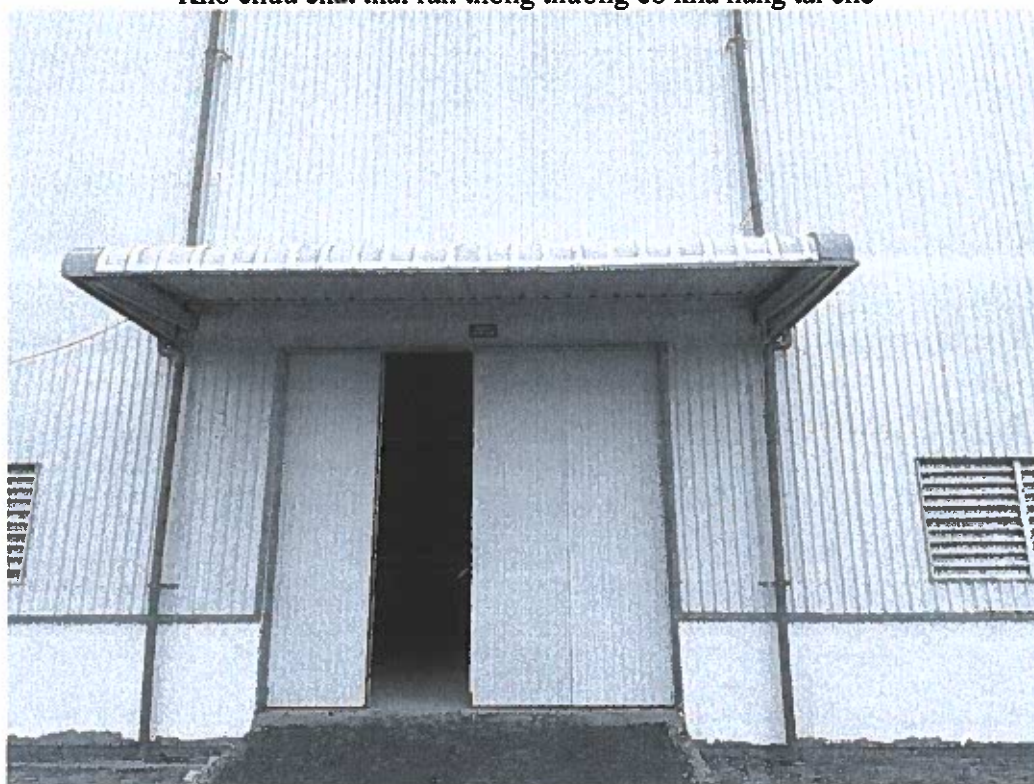


Khu vực máy tách vỏ và tập kết xe thu gom, vận chuyển vỏ sầu riêng

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*

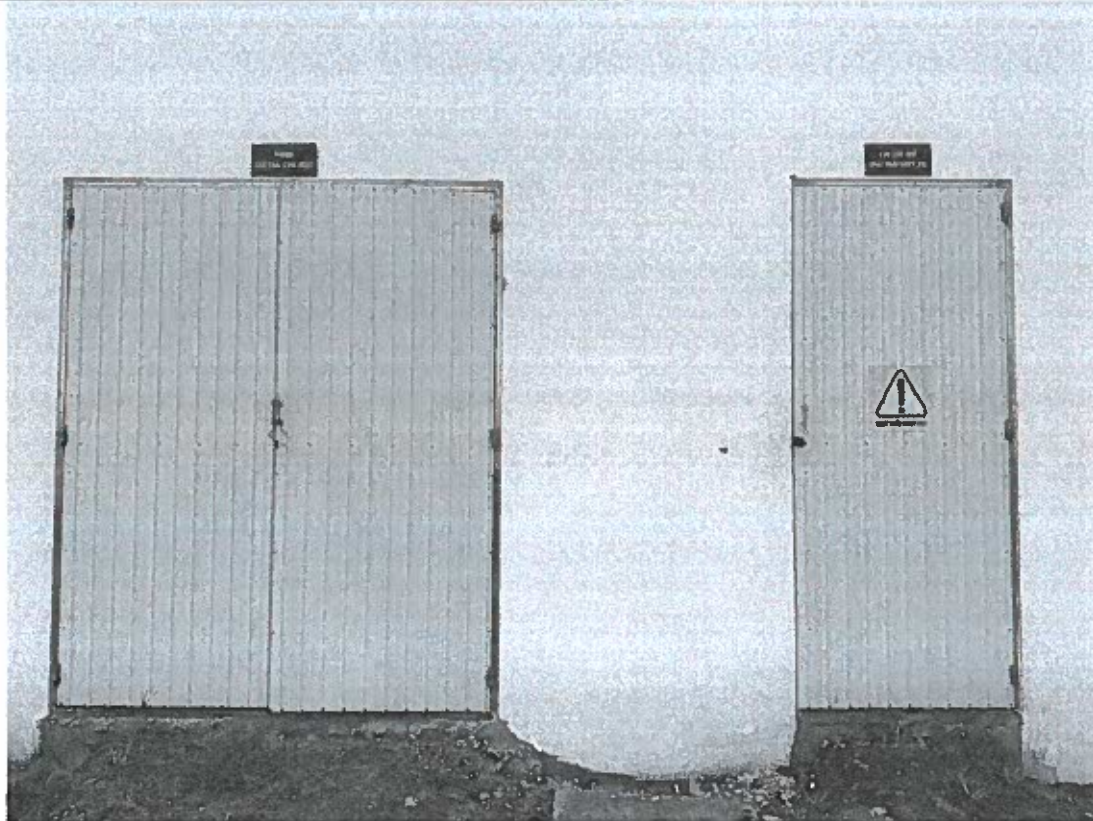


Kho chứa chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế



Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*



Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt và Kho chứa chất thải nguy hại



Khu vực bố trí chất thải nguy hại

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
"Nhà máy Chế biến Trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk"*



Khu vực ủ/ xử lý vỏ sấu riêng thay đổi công năng thành sân hoạt động chung



Hệ thống xử lý nước thải và hồ sự cố

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Phụ lục 1: Hồ sơ pháp lý

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. Quyết định số 1783/2022/QĐ-UBND ngày 10/08/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án Nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk tại thửa đất số 722, tờ bản đồ địa chính số 76, thôn Nam Kỳ, xã Ea Drong, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.
3. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 01272/QĐ-UBND ngày 12/09/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk.
4. Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND huyện Cư M'gar về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500.
5. Văn bản số 526/SXD-QLXD ngày 25/07/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk về việc hướng dẫn thủ tục đầu tư cho dự án Nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk.
6. Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 08/03/2023 về việc cho Công ty Cổ phần tập đoàn xuất – nhập khẩu trái cây Chánh Thu thuê 99.802,5m² đất tại xã Ea Drong, huyện Cư M'gar để sử dụng vào mục đích thực hiện dự án nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk.
7. Hợp đồng thuê đất số 19/HĐTD ngày 12/04/2023 giữa UBND tỉnh Đắk Lắk và Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuất – Nhập khẩu trái cây Chánh Thu
8. Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk”.
9. Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 92/GP-UBND ngày 15/11/2023.
10. Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.
11. Hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt số 01/2024/HĐTGRTSH
12. Hợp đồng thu gom vận chuyển vỏ sầu riêng
13. Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại năm 2024, 2025
14. Biên bản bàn giao chất thải nguy hại năm 2024.
15. Biên bản nghiệm thu bàn giao hệ thống xử lý nước thải
16. Hồ sơ chất lượng hệ thống xử lý nước thải

Phụ lục 2: Các bản vẽ liên quan

1. Mặt bằng tổng thể nhà máy
2. Mặt bằng thoát nước nhà máy
3. Mặt bằng cấp nước nhà máy
4. Mặt bằng tuyến ống thoát nước thải sau xử lý
5. Chi tiết bể tự hoại
6. Chi tiết bể tách dầu
7. Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải
8. Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước cấp
9. Sơ đồ vị trí quan trắc